

Số: 23 /BVT-CĐT&HTQT

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 01 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh

Tên cơ sở Hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh cơ sở 2

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 1770/QNI-GPHĐ; Cơ quan cấp: Sở Y tế Quảng Ninh, cấp ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Địa chỉ: Khu Trới 2, phường Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Trần Ngọc Phương - Phó Giám đốc bệnh viện

Điện thoại liên hệ: 02.033.825.496

Email: chidaotuyenquangninh@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: 14 đối tượng

- (1) Bác sỹ Y khoa
- (2) Bác sỹ chuyên khoa Nội
- (3) Bác sỹ chuyên khoa Ngoại
- (4) Bác sỹ chuyên khoa Phụ Sản
- (5) Bác sỹ chuyên khoa Nhi
- (6) Bác sỹ Y học cổ truyền
- (7) Bác sỹ Y học dự phòng
- (8) Y sỹ Đa khoa
- (9) Y sỹ Y học cổ truyền
- (10) Điều dưỡng
- (11) Hộ sinh

(12) Kỹ thuật hình ảnh y học

(13) Kỹ thuật xét nghiệm y học

(14) Kỹ thuật phục hồi chức năng

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Phụ lục I)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Hợp đồng hướng dẫn thực hành Dược y học cổ truyền với Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 90 người /năm.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 2.000.000 VNĐ/ người/ tháng

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh xin cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để bc);
- Lưu: VT, CĐT&HTQT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt

DANH SÁCH NGƯỜI HỖ TRỢ CÔNG DANH THỰC HÀNH BỔ SUNG

(Đính kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23/BYT-CDT&HTQT ngày 04/01/2020 về nhà Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ/giấy phép hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
I. Đơn Nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh							
1.	Nguyễn Văn Minh	Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Gây mê hồi sức	005462/QNI-CCHN	10/2/2017	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Gây mê hồi sức	Bác sĩ y khoa, Bác sĩ Nội khoa, Bác sĩ Y học dự phòng.
2.	Lê Trung Dũng	Bác sĩ Đa khoa	0008371/QNI-CCHN	15/8/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	Bác sĩ y khoa, Y sĩ đa khoa, Bác sĩ Y học dự phòng.
3.	Đỗ Thị Trang	Điều dưỡng Đại học	0005984/QNI-CCHN	27/2/2018	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: Cao đẳng, trung cấp
4.	Chu Thị Hương	Điều dưỡng Đại học	0006810/QNI-CCHN	19/11/2018	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: Cao đẳng, trung cấp
5.	Nguyễn Thị Nhãn	Điều dưỡng Đại học	0002140/QNI-CCHN	08/3/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: đại học, cao đẳng, trung cấp

II. Khoa Khám bệnh 2

6.	Đình Văn Thuận	Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Nội khoa	005463/QNI-CCHN	10/2/2017	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; đọc kết quả X-quang, kết quả chụp cắt lớp vi tính	Bác sĩ y khoa, Bác sĩ Nội khoa, Bác sĩ Y học dự phòng.
7.	Tô Mạnh Kiên	Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Răng hàm mặt	0003484/QNI-CCHN	16/6/2015	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	Bác sĩ y khoa, y sĩ đa khoa.
8.	Nguyễn Công Chín	Bác sĩ đa khoa	0001798/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Bác sĩ y khoa, Y sĩ đa khoa.
9.	Trần Thị Dung	Bác sĩ đa khoa	0005907/QNI-CCHN	27/12/2017	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ y khoa, Bác sĩ Y học dự phòng.
10.	Nguyễn Thị Hồng	Cử nhân Đại học Điều dưỡng Sản phụ khoa	0002157/QNI-CCHN	17/7/2020	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng Sản phụ khoa hạng III theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Hộ sinh: Đại học, Cao đẳng, trung cấp.
11.	Bùi Thị Bảy	Điều dưỡng Đại học	0005741/QNI-CCHN	26/9/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: đại học, cao đẳng, trung cấp
III. Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm							
12.	Lê Trọng Nghĩa	Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Nội khoa	005471/QNI-CCHN	10/2/2017	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ y khoa, Y sĩ đa khoa, Bác sĩ Y học dự phòng.

13.	Nguyễn Thành Cường	Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Nhi khoa.	0005464/QNI-CCHN	26/11/2020	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bác sỹ y khoa, Bác sỹ Nhi khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
14.	Đặng Phúc Bảo	Bác sỹ đa khoa	0005745/QNI-CCHN	14/09/2017	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ y khoa, Y sỹ đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
15.	Hoàng Thị Nguyệt	Bác sỹ đa khoa	0005837/QNI-CCHN	01/08/2019	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ y khoa, Y sỹ đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
16.	Lý Thị Loan	Bác sỹ đa khoa	0005744/QNI-CCHN	14/9/2017	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ y khoa, Y sỹ đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
17.	Phạm Thị Oanh	Bác sỹ Đa khoa	0008372/QNI-CCHN	15/8/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	Bác sỹ y khoa, Y sỹ đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
18.	Hà Thị Kiều Trang	Bác sỹ Đa khoa	0008392/QNI-CCHN	05/9/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	Bác sỹ y khoa, Y sỹ đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
19.	Nguyễn Thu Thủy	Điều dưỡng Đại học	0002174/QNI-CCHN	25/03/2020	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: đại học, cao đẳng, trung cấp
20.	Đỗ Thị Thu Hằng	Điều dưỡng Cao đẳng	0002175/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Cao đẳng theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: cao đẳng, trung cấp
21.	Phạm Thị Mên	Điều dưỡng Đại học	0030137/HCM-CCHN	05/8/2015	Sở y tế thành phố Hồ Chí Minh	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Cao đẳng Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: Cao đẳng, trung cấp

							Bộ Nội vụ
							Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ
22.	Lý Thị Hằng Nga	Điều dưỡng Cao đẳng	0007656/QNI-CCHN	28/10/2020	Sở y tế Quảng Ninh	Điều dưỡng đa khoa: Cao đẳng, trung cấp	
IV. Khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa							
23.	Ma Khánh Dương	Bác sỹ chuyên khoa cấp 2 chuyên ngành Ngoại khoa	0003491/QNI-CCHN	16/06/2015	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Sản	Bác sỹ y khoa, Bác sỹ Ngoại khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
24.	Phan Thanh Nam	Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Ngoại khoa	005465/QNI-CCHN	02/10/2017	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ y khoa, Bác sỹ Ngoại khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
25.	Vũ Văn Định	Bác sỹ đa khoa	0005982/QNI-CCHN	27/02/2018	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ y khoa, Y sỹ đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
26.	Vũ Thị Minh Thảo	Bác sỹ Đa khoa	0008382/QNI-CCHN	05/09/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	Bác sỹ y khoa, Y sỹ đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
27.	Hoàng Quang Vinh	Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Sản phụ khoa	0002149/QNI-CCHN	9/12/2013	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Bác sỹ y khoa, Bác sỹ Sản khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
28.	Nguyễn Thị Nga	Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Sản phụ khoa	000479/QNI-CCHN	29/11/2012	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Bác sỹ y khoa, Bác sỹ Sản khoa, Bác sỹ Y học dự phòng.
29.	Nguyễn Thị Bích	Điều dưỡng Đại học	021120/HNO-CCHN	08/01/2017	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng đa khoa: đại học, cao đẳng, trung cấp

30.	Nguyễn Thị Lan Hương	Điều dưỡng Đại học	0002138/QNI-CCHN	08/03/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng đa khoa: Đại học, cao đẳng, trung cấp
31.	Hồ Thị Mai Hương	Điều dưỡng Cao đẳng	0006733/QNI-CCHN	16/8/2018	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: Cao đẳng, trung cấp
32.	Thần Thị Kiều Trang	Điều dưỡng Cao đẳng	005142/QNI-CCHN	26/7/2016	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: Cao đẳng, trung cấp
33.	Trần Thị Nhung	Điều dưỡng Đại học	0002147/QNI-CCHN	08/3/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Điều dưỡng đa khoa: Đại học, cao đẳng, trung cấp
34.	Trần Thị Kim Anh	Cử nhân Đại học Điều dưỡng Sân phụ khoa	0002151/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện theo Quy định của Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng bộ Y tế	Hộ sinh: Đại học, Cao đẳng, trung cấp.
V.	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 2						

35.	Phạm Văn Long	Bác sỹ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền	0002177/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở y tế Quảng Ninh	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. Khám chữa bệnh Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng trong phạm vi được đào tạo trong chứng nhận	Bác sỹ y khoa, Bác sỹ Y học cổ truyền, y sỹ Y học cổ truyền, KTV Y - Phục hồi chức năng: Đại học, cao đẳng, trung cấp.
36.	Phạm Thị Nghệ	Bác sỹ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền	0003495/QNI-CCHN	16/6/2015	Sở y tế Quảng Ninh	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Bác sỹ y khoa, Bác sỹ Y học cổ truyền, y sỹ Y học cổ truyền
37.	Nguyễn Văn Huy	Bác sỹ Y học cổ truyền	0004920/QNI-CCHN	26/5/2016	Sở y tế Quảng Ninh	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sỹ Y học cổ truyền, y sỹ Y học cổ truyền
38.	Phạm Thị Thảo	Điều dưỡng Chuyên khoa cấp I	0002125/QNI-CCHN	25/3/2020	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng đa khoa: Đại học, cao đẳng, trung cấp
39.	Nguyễn Thị Minh	Điều dưỡng Đại học	0005461/QNI-CCHN	26/9/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng III theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng đa khoa: Đại học, cao đẳng, trung cấp
VI.	Khoa Cận lâm sàng						
40.	Trương Tuấn Hùng	Bác sỹ chuyên khoa cấp I chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh	0006598/QNI-CCHN	26/4/2018	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ y khoa, KTV Y Chẩn đoán hình ảnh: Đại học, cao đẳng, trung cấp.

41.	Phạm Thị Hồng	Bác sỹ chuyên khoa cấp I chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh	000039/QNI-CCHN	03/4/2012	Sở y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ y khoa, KTV Y Chẩn đoán hình ảnh: Đại học, cao đẳng, trung cấp.
42.	Nguyễn Thủy Dương	Cử nhân xét nghiệm	030167/HNO-CCHN	26/6/2020	Sở y tế Hà Nội	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật Y - xét nghiệm: Đại học, cao đẳng, trung cấp.
43.	Phạm Thị Thảo	Cử nhân xét nghiệm	0007702/QNI-CCHN	07/12/2020	Sở y tế Quảng Ninh	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật Y - xét nghiệm: Đại học, cao đẳng, trung cấp.
44.	Lê Minh Tâm	CK1 Xét nghiệm	0002121/QNI-CCHN	20/4/2022	Sở y tế Quảng Ninh	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật Y - xét nghiệm: Đại học, cao đẳng, trung cấp.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG
ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ Y KHOA (BÁC SĨ ĐA KHOA)**

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

Bác sỹ y khoa (người có văn bằng bác sỹ y khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y khoa)

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cơ sở 2.

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại các khoa lâm sàng trong đó:

+ 03 tháng tại khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

+ 04 tháng tại khoa Ngoại - Sản - Liền chuyên khoa.

+ 02 tháng tại các chuyên khoa khác (Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng: 1.5

tháng; khoa YHCT& PHCN: 0.5 tháng).

3. Nội dung đào tạo, thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3.	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4.	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5.	Chẩn đoán và điều trị Shock phân vệ
6.	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7.	Chẩn đoán và điều trị đột quy não
8.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13.	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Dịch vụ kỹ thuật
1.	Xử trí tăng áp lực nội sọ

2.	Vận hành máy Monitor
3.	Điện tim thường
4.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5.	Nghiệm pháp dây thắt
6.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7.	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8.	Cấp cứu cao huyết áp
9.	Cấp cứu ngừng tim
10.	Cấp cứu tụt huyết áp
11.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13.	Ép tim ngoài lồng ngực
14.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15.	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
16.	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
17.	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
18.	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
19.	Chăm sóc lỗ mở khí quản
20.	Chăm sóc ống nội khí quản
21.	Chọc tháo dịch màng phổi
22.	Chọc dịch ổ bụng
23.	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
24.	Đặt ống nội khí quản
25..	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
26.	Khí dung thuốc giãn phế quản
27.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
28.	Sơ cứu bóng đường hô hấp
29.	Sơ cứu bóng kỳ đầu đường hô hấp
30.	Thay canuyn mở khí quản
31.	Cấp cứu ngừng thở
32.	Thở oxy qua gọng kính
33.	Thở oxy qua mặt nạ
34.	Thở oxy qua mặt nạ có túi
35.	Thở ngạt
36.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
37.	Cho ăn qua ống thông dạ dày
38.	Đặt ống thông dạ dày
39.	Đặt ống thông hậu môn
40.	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
41.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
42.	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
1.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Tăng huyết áp
2.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy tim

3.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Rối loạn nhịp tim
4.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân rối loạn Lipit máu
5.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính
6.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân rối loạn điện giải
7.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hen phế quản
8.	Chẩn đoán và điều trị bệnh viêm phế quản cấp
9.	Chẩn đoán và điều trị bệnh Dạ dày - thực quản - tá tràng
10.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân xuất huyết tiêu hoá
11.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân xơ gan
12.	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hoá
13.	Chẩn đoán và điều trị viêm tụy cấp
14.	Chẩn đoán và điều trị nhiễm trùng đường tiêu hoá
15.	Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu
16.	Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường
17.	Chẩn đoán và điều trị Basedow
18.	Chẩn đoán và điều trị viêm khớp dạng thấp
19.	Chẩn đoán và điều trị Guot
20.	Chẩn đoán điều trị bệnh nhân thiếu máu
21.	Chẩn đoán và điều trị viêm gam virus cấp
22.	Chẩn đoán và điều trị Cúm
23.	Chẩn đoán và điều trị sốt xuất huyết Dengue
24.	Suy dinh dưỡng ở trẻ em
25.	Phân vệ ở trẻ em
26.	Rối loạn điện giải
27.	Sốt cao co giật
28.	Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh
29.	Suy hô hấp ở trẻ sơ sinh
30.	Nhiễm trùng rốn sơ sinh
31.	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp ở trẻ em
32.	Viêm phế quản phổi
33.	Hen phế quản ở trẻ em
34.	Bệnh viêm tiểu phế quản ở trẻ em
35.	Viêm thanh khí phế quản cấp
36.	Viêm phế quản phổi do vi khuẩn
37.	Thiếu máu thiếu sắt
38.	Thiếu máu tan máu
39.	Hội chứng xuất huyết ở trẻ em
40.	Chỉ định truyền máu, các tai biến do truyền máu và xử trí
41.	Hội chứng thận hư
42.	Nhiễm trùng đường niệu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1.	Rửa dạ dày cấp cứu
2.	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
3.	Thụt giữ
4.	Thụt thuốc qua đường hậu môn
5.	Đặt ống sonde dạ dày

6.	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
7.	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
8.	Rửa bàng quang
9.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
10.	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu
11.	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
12.	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
13.	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc
14.	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
15.	Tiêm bắp thịt
16.	Tiêm dưới da
17.	Tiêm trong da
18.	Tiêm truyền thuốc
19.	Truyền dịch thường quy
20.	Truyền máu và các chế phẩm máu
21.	Kỹ thuật đọc phim xquang thông thường
22.	Đọc kết quả điện tim
23.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
24.	Thở oxy qua mặt nạ
25.	Thở ngạt
26.	Thông tiểu trẻ em
27.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
28.	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu
29.	Khám sơ sinh
30.	Truyền máu và các chế phẩm máu
II.	Khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
1.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương cánh tay
2.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương cẳng tay
3.	Chẩn đoán và điều trị vết thương bàn tay
4.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương chậu
5.	Chẩn đoán và điều trị gãy cổ xương đùi
6.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương đùi
7.	Chẩn đoán và điều trị gãy hai xương cẳng chân
8.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp khuỷu
9.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp vai
10.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp háng
11.	Chẩn đoán và điều trị sỏi tiết niệu
12.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương ngực kín
13.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương sọ não
14.	Chẩn đoán và điều trị lồng ruột cấp ở trẻ nhỏ
15.	Chẩn đoán và điều trị Tắc ruột
16.	Chẩn đoán và điều trị viêm ruột thừa
17.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương bụng
18.	Chẩn đoán và điều trị viêm tụy cấp

19.	Chẩn đoán và điều trị thủng dạ dày
20.	Chẩn đoán và điều trị sỏi mật
21.	Chẩn đoán và điều trị Trĩ
22.	Chẩn đoán và điều trị rò hậu môn
23.	Chẩn đoán và điều trị thoát vị bẹn
24.	Chẩn đoán và điều trị viêm phúc mạc và các áp xe trong ổ bụng
25.	Chẩn đoán và điều trị sốc chấn thương
26.	Chẩn đoán và điều trị bỏng
27.	Chẩn đoán và điều trị vết thương phần mềm
28.	Chẩn đoán và điều trị vết thương sọ não
29.	Chẩn đoán và điều trị hội chứng chèn ép khoang
30.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương cẳng tay
31.	Chẩn đoán và điều trị vết thương bàn tay
32.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương chậu
33.	Chẩn đoán và điều trị gãy cổ xương đùi
34.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương đùi
35.	Chẩn đoán và điều trị gãy hai xương cẳng chân
36.	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng đầu thai kỳ
37.	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng giữa và cuối thai kỳ
38.	Theo dõi, đánh giá chuyển dạ đẻ thường
39.	Theo dõi, đánh giá chuyển dạ bệnh lý
40.	Khám, phát hiện những dấu hiệu bất thường trong 3 tháng đầu của thai nghén
41.	Khám, sơ cứu chảy máu sản khoa trong 3 tháng đầu và 3 tháng cuối của thai
42.	Khám, theo dõi và chăm sóc bệnh nhân sau mổ sản khoa và phụ khoa
43.	Chữa ngoài tử cung
44.	U xơ tử cung
45.	Viêm nhiễm âm đạo
46.	Lạc nội mạc tử cung
47.	Rối loạn kinh nguyệt
48.	Mãn kinh, tiền mãn kinh
49.	Rối loạn nội tiết
50.	Sảy thai
51.	Thiếu máu thai kỳ
52.	Đa ối - thiếu ối
53.	Rau tiền đạo
54.	Áp xe vú
55.	Bong rau non
56.	Các tổn thương của vú
57.	Khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục
58.	Khám, tư vấn và kế hoạch hoá gia đình
B	Dịch vụ kỹ thuật
1.	Khâu vết thương phần mềm
2.	Bóc u bã đậu
3.	Sơ cứu gãy xương kín
4.	Sơ cứu gãy xương hở

5.	Cầm máu (vết thương chảy máu)
6.	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
7.	Thay băng cắt lọc vết thương
8.	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
9.	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
10.	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
11.	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
12.	Kéo, nắn bó bột
13.	Chích rạch áp xe
14.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
15.	Nẹp bột các loại, không nắn
16.	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
17.	Cắt chỉ khâu da
18.	Thay băng bóng
19.	Băng bó vết thương
20.	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
21.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
22.	Dẫn lưu ổ bụng
23.	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
24.	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
25.	Sơ cứu bệnh nhân bỏng
26.	Thay băng, cắt chỉ
27.	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng
28.	Phẫu thuật vết thương tăng sinh môn đơn giản
29.	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
30.	Trích áp xe vú
31.	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
32.	Khám phụ khoa
33.	Làm thuốc âm đạo
34.	Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa
35.	Đỡ đẻ thường ngôi chòm
36.	Cắt và khâu tăng sinh môn
37.	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
38.	Kiểm soát tử cung
39.	Khám thai
40.	Khám sơ sinh
41.	Chăm sóc rốn sơ sinh
42.	Bóc rau nhân tạo
43.	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ
44.	Tư vấn các biện pháp tránh thai
45.	Tư vấn quản lý thai nghén
III	Chuyên khoa Mắt - Răng hàm mặt - Tai mũi họng
A	Chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường
1.	Viêm kết giác mạc
2.	Tắc tuyến lệ

3.	Viêm tai giữa cấp
4.	Viêm mũi họng
5.	Viêm thanh quản
6.	Viêm xoang
7.	Sâu răng sữa
8.	Viêm tuỷ răng
9.	Viêm lợi liên quan đến mảng bám răng
10.	Bệnh sâu răng
11.	Viêm tuỷ răng
12.	Áp xe má
13.	Viêm tuyến nước bọt mang tai
B	Dịch vụ kỹ thuật
1.	Bơm rửa lệ đạo
2.	Cấp cứu bong mắt ban đầu
3.	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
4.	Cắt chỉ khâu kết mạc
5.	Chích chấp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
6.	Đo thị lực
7.	Đốt lông xiêu; nhổ lông xiêu
8.	Khám mắt
9.	Khâu da mi đơn giản
10.	Rạch áp xe mi
11.	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
12.	Rửa củng đồ
13.	Chích áp xe lợi
14.	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
15.	Điều trị viêm lợi do mọc răng
16.	Điều trị viêm lợi trẻ em
17.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
18.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
19.	Lấy dị vật tai
20.	Làm thuốc tai
21.	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
22.	Cầm máu mũi bằng Merocel
23.	Khí dung mũi họng
24.	Lấy dị vật họng miệng
25.	Nhét bấc mũi trước
26.	Rút meche, rút merocel hốc mũi
IV	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 2
1.	Mai hoa châm
2.	Hào châm
3.	Mãng châm
4.	Nhĩ châm
5.	Điện châm
6.	Chích lễ
7.	Thủy châm

8.	Xoa bóp bấm huyệt
9.	Cứu điều trị
10.	Chườm ngải
11.	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
12.	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
13.	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
14.	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
15.	Tập đi với thanh song song
16.	Tập đi với khung tập đi
17.	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
18.	Tập đi với gậy
19.	Tập đi với bàn xương cá
20.	Tập lên, xuống cầu thang
21.	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gò ghề...)
22.	Tập đi với chân giả trên gối
23.	Tập đi với chân giả dưới gối
24.	Tập vận động thụ động
25.	Tập vận động có trợ giúp
26.	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu
27.	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu
28.	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)
29.	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng
30.	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối
31.	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối

3.2 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LINH SÀNG ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NỘI

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CĐT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

- 1.1 Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);
- 1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nội; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sao đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản:

Thời gian thực hành tập trung 09 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh cơ sở 2, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nội; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cơ sở 2, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành chuyên môn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
	- Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
	- Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
	- Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
	- Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	- Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ - Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp - Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp - Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
16	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
17	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
18	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
19	Chăm sóc lỗ mở khí quản
20	Chăm sóc ống nội khí quản
21	Chọc tháo dịch màng phổi
22	Chọc dịch ổ bụng
23	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
24	Đặt ống nội khí quản

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
25	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
26	Khí dung thuốc giãn phế quản
27	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
28	Sơ cứu bóng đường hô hấp
29	Sơ cứu bóng kỳ đầu đường hô hấp
30	Thay canuyn mở khí quản
31	Cấp cứu ngừng thở
32	Thở oxy qua gong kính
33	Thở oxy qua mặt nạ
34	Thở oxy qua mặt nạ có túi
35	Thở ngạt
36	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
37	Cho ăn qua ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông dạ dày
39	Đặt ống thông hậu môn
40	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
41	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
42	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Nội - Nhi
	Dịch vụ kỹ thuật
1	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
2	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
3	Chọc dò dịch màng phổi
4	Chọc hút khí màng phổi
5	Chọc tháo dịch màng phổi
6	Đo chức năng hô hấp
7	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục
8	Kỹ thuật đặt van một chiều nội phế quản
9	Khí dung thuốc giãn phế quản
10	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
11	Thay canuyn mở khí quản
12	Vận động trị liệu hô hấp
13	Chọc dò màng ngoài tim

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
14	Điện tim thường
15	Hút đờm hầu họng
16	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường
17	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
18	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)
19	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
20	Đặt sonde bàng quang
21	Rửa bàng quang lấy máu cục
22	Rửa bàng quang
23	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
24	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
25	Đặt ống thông dạ dày
26	Đặt ống thông hậu môn
27	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu
28	Rửa dạ dày cấp cứu
29	Siêu âm ổ bụng
30	Thụt tháo phân
31	Hút dịch khớp gối
32	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
33	Hút dịch khớp khuỷu
34	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm
35	Hút dịch khớp cổ chân
36	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
37	Hút dịch khớp cổ tay
38	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
39	Hút dịch khớp vai
40	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
41	Hút nang bao hoạt dịch
42	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm
43	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
44	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm

3.2 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực

hành tham còn gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ NGOẠI KHOA**

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);
1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Ngoại; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1 *Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sao đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản:*

Người thực hành thực hành tập trung 09 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cơ sở 2, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.

- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.

2.2. *Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nội; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.*

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.

3. Nội dung thực hành

3.1 *Nội dung thực hành về chuyên môn*

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
	- Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng - Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn - Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	- Chẩn đoán và điều trị Shock phân vệ - Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp - Chẩn đoán và điều trị đột quy não - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp - Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
16	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
17	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
18	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
19	Chăm sóc lỗ mở khí quản
20	Chăm sóc ống nội khí quản
21	Chọc tháo dịch màng phổi
22	Chọc dịch ổ bụng
23	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
24	Đặt ống nội khí quản

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
25	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
26	Khí dung thuốc giãn phế quản
27	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
28	Sơ cứu bỏng đường hô hấp
29	Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp
30	Thay canuyn mở khí quản
31	Cấp cứu ngừng thở
32	Thở oxy qua gọng kính
33	Thở oxy qua mặt nạ
34	Thở oxy qua mặt nạ có túi
35	Thổi ngạt
36	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
37	Cho ăn qua ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông dạ dày
39	Đặt ống thông hậu môn
40	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
41	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
42	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.
	Dịch vụ kỹ thuật
1	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ
2	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên
3	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên
4	Phẫu thuật nối thần kinh ngoại biên và ghép TK ngoại biên
5	Phẫu thuật u thần kinh trên da
6	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi
7	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
8	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu
9	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương khí quản cổ
10	Phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực
11	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi
12	Cắt ruột non hình chêm
13	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
14	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann
15	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp
16	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở
17	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)
18	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương
19	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi
20	Phẫu thuật điều trị màng sườn di động
21	Phẫu thuật điều trị vỡ eo động mạch chủ
22	Phẫu thuật cấp cứu lồng ngực có dùng máy tim phổi nhân tạo
23	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi
24	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh
25	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu
26	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn
27	Phẫu thuật cắt u máu lớn (đường kính > 10 cm)
28	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)
29	Phẫu thuật điều trị thông động - tĩnh mạch chi
30	Phẫu thuật bắc cầu tĩnh mạch cửa - tĩnh mạch chủ dưới điều trị tăng áp lực tĩnh mạch cửa
31	Phẫu thuật lại trong các bệnh lý mạch máu ngoại vi
32	Phẫu thuật bệnh mạch máu có dùng máy tim phổi nhân tạo
33	Phẫu thuật cắt - khâu kén khí phổi
34	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi
35	Phẫu thuật lấy dị vật phổi - màng phổi
36	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi
37	Phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi - trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi
38	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi + siêu âm/ có C.Arm
39	Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/ Laser
40	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang
41	Lấy sỏi san hô thận
42	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang
43	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
44	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt
45	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
46	Tán sỏi ngoài cơ thể
47	Dẫn lưu đài bể thận qua da
48	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận
49	Dẫn lưu bể thận tối thiểu
50	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm
51	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận
52	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes)
53	Cắt nối niệu quản
54	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần
55	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
56	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
57	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo
58	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản
59	Tạo hình niệu quản bằng đoạn ruột
60	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong
61	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản
62	Phẫu thuật mở rộng bàng quang bằng đoạn hồi tràng
63	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey
64	Treo cổ bàng quang điều trị đái rị ở nữ
65	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)
66	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang
67	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar
68	Cắt toàn bộ bàng quang, cấm niệu quản vào ruột
69	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng
70	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da
71	Cấm niệu quản bàng quang
72	Cắt cổ bàng quang
73	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang
74	Phẫu thuật đặt võng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức
75	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang
76	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất
77	Lấy sỏi bàng quang

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
78	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
79	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius
80	Cắt bàng quang toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột
81	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
82	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang
83	Phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh
84	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh
85	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh
86	Phẫu thuật sa niệu đạo nữ
87	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt
88	Cắt nối niệu đạo trước
89	Cắt nối niệu đạo sau
90	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu
91	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da
92	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu
93	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt
94	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì
95	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2
96	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu
97	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang
98	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo
99	Tạo hình miệng niệu đạo lệch thấp ở nữ giới
100	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến
101	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ
102	Phẫu thuật điều trị són tiểu
103	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ
104	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo
105	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng
106	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật
107	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật
108	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật
109	Nong niệu đạo
110	Cắt bỏ tinh hoàn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
111	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn
112	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn
113	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)
114	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài
115	Cắt hẹp bao quy đầu
116	Mở rộng lỗ sáo
117	Mở thông dạ dày
118	Dẫn lưu áp xe thực quản, trung thất
119	Khâu lỗ thủng hoặc vết thương thực quản
120	Lấy dị vật thực quản đường ngực
121	Lấy dị vật thực quản đường bụng
122	Đóng rò thực quản
123	Cắt túi thừa thực quản cổ
124	Cắt túi thừa thực quản ngực
125	Lấy u cơ, \sigma.. thực quản đường cổ hoặc đường bụng
126	Cắt đoạn thực quản, dẫn lưu hai đầu ra ngoài
127	Nối vị tràng
128	Cắt dạ dày hình chêm
129	Cắt đoạn dạ dày
130	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn
131	Cắt toàn bộ dạ dày
132	Cắt lại dạ dày
133	Nạo vét hạch D1
134	Nạo vét hạch D2
135	Nạo vét hạch D3
136	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng
137	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày
138	Cắt thần kinh X toàn bộ
139	Cắt thần kinh X chọn lọc
140	Cắt thần kinh X siêu chọn lọc
141	Mở dạ dày xử lý tổn thương
142	Cắt u tá tràng
143	Cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
144	Khâu túi thừa tá tràng
145	Cắt túi thừa tá tràng
146	Cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng
147	Cắt màng ngăn tá tràng
148	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng
149	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non
150	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột
151	Tháo xoắn ruột non
152	Tháo lồng ruột non
153	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
154	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)
155	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông
156	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài
157	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)
158	Cắt nhiều đoạn ruột non
159	Gỡ dính sau mổ lại
160	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng
161	Đóng mở thông ruột non
162	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng
163	Nối tắt ruột non - ruột non
164	Cắt mạc nối lớn
165	Cắt bỏ u mạc nối lớn
166	Cắt u mạc treo ruột
167	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên
168	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên
169	Cắt toàn bộ ruột non
170	Cắt ruột thừa đơn thuần
171	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
172	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe
173	Dẫn lưu áp xe ruột thừa
174	Các phẫu thuật ruột thừa khác
175	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng
176	Khâu lỗ thủng đại tràng

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
177	Cắt túi thừa đại tràng
178	Cắt đoạn đại tràng nối ngay
179	Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra ngoài
180	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann
181	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
182	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay
183	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non - trực tràng
184	Cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn
185	Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo
186	Làm hậu môn nhân tạo
187	Lấy dị vật trực tràng
188	Cắt đoạn trực tràng nối ngay
189	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann
190	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp
191	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại tràng - ống hậu môn
192	Cắt đoạn trực tràng, cơ thắt trong bảo tồn cơ thắt ngoài đường tầng sinh môn
193	Cắt cụt trực tràng đường bụng, tầng sinh môn
194	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
195	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng
196	Phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng
197	Phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn
198	Cắt toàn bộ mạc treo trực tràng
199	Bóc u xơ, cơ..trực tràng đường bụng
200	Bóc u xơ, cơ..trực tràng đường tầng sinh môn
201	Đóng rò trực tràng - âm đạo
202	Đóng rò trực tràng - bàng quang
203	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - niệu quản
204	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - niệu đạo
205	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - tầng sinh môn
206	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - tiểu khung
207	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ
208	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
209	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)
210	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ
211	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
212	Phẫu thuật Longo
213	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ
214	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)
215	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản
216	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp
217	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản
218	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp
219	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chi chờ
220	Phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil
221	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)
222	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn
223	Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn
224	Phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle
225	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)
226	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)
227	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn
228	Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ
229	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản
230	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp
231	Thăm dò, sinh thiết gan
232	Cắt gan phải
233	Cắt gan trái
234	Cắt gan phân thủy sau
235	Cắt gan phân thủy trước
236	Cắt thủy gan trái
237	Cắt hạ phân thủy 2
238	Cắt hạ phân thủy 3
239	Cắt hạ phân thủy 4
240	Cắt hạ phân thủy 5

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
241	Cắt hạ phân thủy 6
242	Cắt hạ phân thủy 7
243	Cắt hạ phân thủy 8
244	Cắt gan trung tâm
245	Cắt gan nhỏ
246	Cắt nhiều hạ phân thủy
247	Cắt gan hình chêm, nối gan ruột
248	Cắt gan có sử dụng kỹ thuật cao (CUSA, dao siêu âm, sóng cao tần...)
249	Các phẫu thuật cắt gan khác
250	Lấy huyết khối tĩnh mạch cửa
251	Các loại phẫu thuật phân lưu cửa chủ
252	Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái)
253	Lấy bỏ u gan
254	Cắt lọc nhu mô gan
255	Cầm máu nhu mô gan
256	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu
257	Lấy máu tụ bao gan
258	Cắt chỏm nang gan
259	Lấy hạch cuống gan
260	Dẫn lưu áp xe gan
261	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan
262	Thăm dò kết hợp với tiêm cồn hoặc đốt sóng cao tần hoặc áp lạnh
263	Mở thông túi mật
264	Cắt túi mật
265	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
266	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
267	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật
268	Tán sỏi qua đường hầm Kehr hoặc qua da
269	Mở nhu mô gan lấy sỏi
270	Mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
271	Nối mật ruột bên - bên
272	Nối mật ruột tận - bên
273	Nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	tràng
274	Cắt đường mật ngoài gan
275	Cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái
276	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật
277	Các phẫu thuật đường mật khác
278	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu
279	Dẫn lưu nang tụy
280	Nối nang tụy với tá tràng
281	Nối nang tụy với dạ dày
282	Nối nang tụy với hồng tràng
283	Cắt bỏ nang tụy
284	Lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)
285	Lấy tổ chức ung thư tât phát khu trú tại tụy
286	Cắt khối tá tụy
287	Cắt khối tá tụy bảo tồn môn vị
288	Cắt khối tá tụy + tạo hình tĩnh mạch cửa tự thân
289	Cắt khối tá tụy + tạo hình tĩnh mạch cửa bằng mạch nhân tạo
290	Cắt khối tá tụy + tạo hình động mạch mạc treo tràng trên bằng đoạn mạch nhân tạo
291	Cắt tụy trung tâm
292	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách
293	Cắt đuôi tụy bảo tồn lách
294	Cắt một phần tụy
295	Các phẫu thuật cắt tụy khác
296	Nối tụy ruột
297	Nội diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y
298	Nội diện cắt thân tụy với dạ dày
299	Nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày - ruột non trên ba quai ruột biệt lập
300	Phẫu thuật Mercadier điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
301	Phẫu thuật Patington - Rochelle điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
302	Phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
303	Phẫu thuật Frey - Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn
304	Phẫu thuật Puestow - Gillesby

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
305	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu
306	Cắt lách do chấn thương
307	Cắt lách bệnh lý
308	Cắt lách bán phần
309	Khâu vết thương lách
310	Bảo tồn lách vỡ bằng lưới sinh học
311	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
312	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
313	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
314	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
315	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
316	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
317	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
318	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng
319	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
320	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn
321	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương
322	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành
323	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
324	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành
325	Phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)
326	Phẫu thuật điều trị nhão cơ hoành
327	Phẫu thuật cắt u thành bụng
328	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ
329	Khâu vết thương thành bụng
330	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
331	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ
332	Bóc phúc mạc bên trái
333	Bóc phúc mạc bên phải
334	Bóc phúc mạc phủ tạng
335	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác
336	Bóc phúc mạc kèm điều trị hóa chất trong phúc mạc trong mổ
337	Bóc phúc mạc kèm điều trị hóa chất nhiệt độ cao trong phúc mạc trong

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	mổ
338	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác và điều trị hóa chất trong phúc mạc trong mổ
339	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác và điều trị hóa chất nhiệt độ cao trong phúc mạc trong mổ
340	Lấy u phúc mạc
341	Lấy u sau phúc mạc
342	Phẫu thuật thay khớp vai nhân tạo
343	Phẫu thuật tạo hình bệnh xương bả vai lên cao
344	Phẫu thuật tháo khớp vai
345	Phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai
346	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
347	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn
348	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn
349	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn
350	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
351	Phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
352	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay
353	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay
354	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
355	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
356	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp
357	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay
358	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay
359	Phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay
360	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
361	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu
362	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp
363	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia
364	Phẫu thuật KHX gãy đài quay
365	Phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp
366	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay
367	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
368	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
369	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương
370	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quơng quay
371	Phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay
372	Phẫu thuật KHX gãy chòm đốt bàn và ngón tay
373	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay
374	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay
375	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn - ngón tay
376	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay
377	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay
378	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay
379	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)
380	Phẫu thuật KHX gãy cánh chậu
381	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
382	Phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)
383	Phẫu thuật KHX gãy khung chậu - trật khớp mu
384	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần
385	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
386	Phẫu thuật KHX gãy bán phần chòm xương đùi
387	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp chòm xương đùi - trật háng
388	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
389	Phẫu thuật KHX gãy cổ máu chuyên xương đùi
390	Phẫu thuật KHX gãy liên máu chuyên xương đùi
391	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi
392	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi
393	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi
394	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi
395	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi
396	Phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi
397	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp
398	Phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi
399	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè
400	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp
401	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
402	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
403	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
404	Phẫu thuật KHX gãy hai mâm chày
405	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
406	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày
407	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân
408	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần
409	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
410	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân
411	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong
412	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài
413	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
414	Phẫu thuật KHX gãy trật xương sên
415	Phẫu thuật KHX gãy xương gót
416	Phẫu thuật KHX gãy trật xương gót
417	Phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
418	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân
419	Phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
420	Phẫu thuật KHX gãy hờ độ I hai xương cẳng chân
421	Phẫu thuật KHX gãy hờ độ II hai xương cẳng chân
422	Phẫu thuật KHX gãy hờ độ III hai xương cẳng chân
423	Phẫu thuật KHX gãy hờ độ II trên và liên lồi cầu xương đùi
424	Phẫu thuật KHX gãy hờ độ III trên và liên lồi cầu xương đùi
425	Phẫu thuật KHX gãy hờ I thân hai xương cẳng tay
426	Phẫu thuật KHX gãy hờ II thân hai xương cẳng tay
427	Phẫu thuật KHX gãy hờ III thân hai xương cẳng tay
428	Phẫu thuật KHX gãy hờ độ I thân xương cánh tay
429	Phẫu thuật KHX gãy hờ độ II thân xương cánh tay
430	Phẫu thuật KHX gãy hờ độ III thân xương cánh tay
431	Phẫu thuật KHX gãy hờ liên lồi cầu xương cánh tay
432	Cổ đỉnh ngoại vi trong điều trị gãy hờ chi trên
433	Cổ đỉnh ngoại vi trong điều trị gãy hờ chi dưới
434	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
435	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động
436	Phẫu thuật vết thương bàn tay
437	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi
438	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp
439	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay
440	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch liền
441	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch rời
442	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay
443	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
444	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay
445	Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I
446	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
447	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
448	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
449	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay
450	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới
451	Phẫu thuật tái tạo dây chằng xương thuyền
452	Phẫu thuật Tái tạo tổn thương mạn tính dây chằng xương thuyền
453	Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón 1 bàn tay
454	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay
455	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay
456	Phẫu thuật phương pháp Suave.Kapandji và điều trị viêm khớp quay trụ dưới
457	Phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
458	Phẫu thuật điều trị khớp giả xương thuyền bằng mảnh ghép xương cuống mạch liền
459	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
460	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
461	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
462	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa
463	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ
464	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay
465	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh giữa và thần kinh trụ

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
466	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V
467	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II
468	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì
469	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi
470	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
471	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới
472	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay
473	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
474	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay
475	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay
476	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay
477	Phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh
478	Phẫu thuật chuyển ngón tay
479	Phẫu thuật làm đối chiếu ngón 1 (thiếu dưỡng ô mô cái)
480	Chỉnh hình trong bệnh Arthrogyposis (Viêm dính nhiều khớp bẩm sinh)
481	Chỉnh hình tật dính quay trụ trên bẩm sinh
482	Chỉnh hình bệnh co rút nhị đầu và cơ cánh tay trước
483	Phẫu thuật và điều trị bệnh Dupuytren
484	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay
485	Thương tích bàn tay phức tạp
486	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón
487	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
488	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay
489	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân
490	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon
491	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp
492	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót
493	Phẫu thuật kết hợp xương chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
494	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân
495	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên
496	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em
497	Cụt chấn thương cổ và bàn chân
498	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
499	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I
500	Phẫu thuật tổn thương gân Achille
501	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên
502	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I
503	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau
504	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
505	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
506	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè
507	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi
508	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille
509	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille tới muôn
510	Phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay
511	Chuyển gân điều trị liệt đám rối thần kinh cánh tay
512	Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mác trung
513	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại liệt
514	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại não
515	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khoèo theo phương pháp PONESETI
516	Chuyển vật da cân - cơ cuống mạch liên
517	Ghép xương có cuống mạch nuôi
518	Chuyển vật cân cơ cánh tay trước
519	Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ X, O)
520	Trật khớp háng bẩm sinh
521	Phẫu thuật trật báng chè bẩm sinh
522	Phẫu thuật trật bánh chè mác phải
523	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi
524	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay
525	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm
526	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối
527	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
528	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM
529	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay
530	Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET
531	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	mạch và thần kinh
532	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
533	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay
534	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
535	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu
536	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia
537	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)
538	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay
539	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương
540	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi
541	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi
542	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối
543	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân
544	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày
545	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân
546	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
547	Phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương
548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý
549	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương
550	Phẫu thuật thay khớp gối bán phần
551	Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương
552	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng
553	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần
554	Phẫu thuật thay đoạn xương ghép bảo quản bằng kỹ thuật cao
555	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng
556	Phẫu thuật ghép chi
557	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương
558	Phẫu thuật kéo dài chi
559	Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liên
560	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo
561	Phẫu thuật làm vận động khớp gối
562	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân
563	Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
564	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim K.Wire)
565	Phẫu thuật cắt cụt chi
566	Phẫu thuật tháo khớp chi
567	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản
568	Phẫu thuật xơ cứng phức tạp
569	Phẫu thuật chuyển gân chi (Chuyển gân chày sau, chày trước, cơ mác bên dài)
570	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
571	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay
572	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chi thép)
573	Phẫu thuật làm cứng khớp gối
574	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối
575	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi
576	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)
577	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu
578	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
579	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp
580	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác
581	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ
582	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm ²
583	Phẫu thuật vá da diện tích >10cm ²
584	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)
585	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)
586	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu.)
587	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)
588	Phẫu thuật lấy bỏ u xương
589	Phẫu thuật ghép xương tự thân
590	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo
591	Lấy u xương (ghép xi măng)
592	Phẫu thuật U máu
593	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp
594	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi
595	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
596	Phẫu thuật chuyển giương thần kinh trụ
597	Phẫu thuật viêm xương
598	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết
599	Phẫu thuật viên tấy bao hoạt dịch bàn tay
600	Phẫu thuật vết thương khớp
601	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương
602	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann
603	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng
604	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0
605	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X
606	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi
607	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi
608	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh
609	Bột Corset Minerve,Cravate
610	Nắn, bó bột gãy xương hàm
611	Nắn, bó bột cột sống
612	Nắn, bó bột trật khớp vai
613	Nắn, bó bột gãy xương đòn
614	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
615	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
616	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
617	Nắn, bó bột trật khớp háng
618	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn
619	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
620	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em
621	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
622	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép
623	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu
624	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn
625	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn
626	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
627	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em
628	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
629	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn
630	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn
631	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
632	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
633	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín > 3% diện tích cơ thể ở người lớn
634	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn
635	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín > 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
636	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
637	Lấy bỏ sụn viêm hoại tử trong bóng vành tai
638	Cắt cụt cấp cứu chi thể bóng không còn khả năng bảo tồn điều trị bóng sâu
639	Cắt cụt chi thể bóng không còn khả năng bảo tồn điều trị bóng sâu
640	Tháo khớp chi thể bóng không còn khả năng bảo tồn điều trị bóng sâu
641	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bóng
642	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bóng
643	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bóng
644	Điều trị tổn thương bóng bằng máy sưởi ẩm bức xạ

3.2 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA SÁN

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Sản; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1 **Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản:**

Người thực hành thời gian thực hành tập trung 09 tháng tại **Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh Cơ sở 2**, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh;

- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh Cơ sở 2, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh;

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
	- Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
	- Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
	- Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
	- Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp

	- Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ - Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp - Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư - Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp - Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
16	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
17	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
18	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
19	Chăm sóc lỗ mở khí quản
20	Chăm sóc ống nội khí quản
21	Chọc tháo dịch màng phổi
22	Chọc dịch ổ bụng
23	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
24	Đặt ống nội khí quản
25	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
26	Khí dung thuốc giãn phế quản
27	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
28	Sơ cứu bong đường hô hấp
29	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp
30	Thay canuyn mở khí quản
31	Cấp cứu ngừng thở
32	Thở oxy qua gọng kính
33	Thở oxy qua mặt nạ

34	Thở oxy qua mặt nạ có túi
35	Thở ngạt
36	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
37	Cho ăn qua ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông dạ dày
39	Đặt ống thông hậu môn
40	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
41	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
42	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa
	Thực hành lâm sàng
2.	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược
3.	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên
4.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp
5.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)
6.	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)
7.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)
8.	Phẫu thuật lấy thai lần đầu
9.	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)
10.	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp
11.	Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn
12.	Đỡ đẻ thường ngôi chòm
13.	Làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm khuẩn
14.	Nong cổ tử cung do bế sản dịch
15.	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
16.	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại
17.	Khâu vòng cổ tử cung
18.	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
19.	Chích áp xe tăng sinh môn
20.	Phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn
21.	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
22.	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn
23.	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần
24.	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
25.	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi
26.	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo

27.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn
28.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối
29.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần
30.	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung
31.	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
32.	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau
33.	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa
34.	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa
35.	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung
36.	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai
37.	Khâu tử cung do nạo thủng
38.	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng
39.	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)
40.	Nội xoay thai
41.	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên
42.	Forceps
43.	Giác hút
44.	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
45.	Thủ thuật kẹp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)
46.	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ú mũ
47.	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ú mũ
48.	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
49.	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung
50.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai
51.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn
52.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung
53.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản
54.	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ
55.	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung
56.	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung
57.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
58.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ
59.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài
60.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ
61.	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng
62.	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng
63.	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
64.	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)
65.	Phẫu thuật Crossen
66.	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo
67.	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp
68.	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng

69.	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn
70.	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng
71.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc
72.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung
73.	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)
74.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung
75.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung
76.	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán
77.	Nội soi buồng tử cung can thiệp
78.	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung
79.	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung
80.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
81.	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung
82.	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản
83.	Khoét chớp cổ tử cung
84.	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung
85.	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo
86.	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...
87.	Cắt u thành âm đạo
88.	Lấy dị vật âm đạo
89.	Khâu rách cùng đồ âm đạo
90.	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn
91.	Chích áp xe tuyến Bartholin
92.	Bóc nang tuyến Bartholin
93.	Chích rạch màng trinh do ứ máu kinh
94.	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo
95.	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn
96.	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính
97.	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
98.	Nạo hút thai trứng
99.	Dẫn lưu cùng đồ Douglas
100.	Chọc dò túi cùng Douglas
101.	Chích áp xe vú
102.	Soi cổ tử cung
103.	Cắt u vú lành tính
104.	Bóc nhân xơ vú
105.	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh
106.	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh
107.	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở
108.	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
109.	Rửa dạ dày sơ sinh
110.	Đặt sonde hậu môn sơ sinh

111.	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
112.	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng
113.	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ
114.	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ
115.	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ
116.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần
117.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần
118.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22
119.	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18
120.	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ
121.	Hút thai dưới siêu âm
122.	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không
123.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
124.	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ
125.	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
126.	Siêu âm tử cung phần phụ
127.	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
128.	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ
129.	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)
130.	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng
131.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
132.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
133.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối

3.2 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LINH SÀNG ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NHI

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CĐT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);
1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nhi; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1 *Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản:*

Người thực hành thực hành tập trung 09 tháng tại **Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh Cơ sở 2**, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh;
- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

2.2. *Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nhi; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.*

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh Cơ sở 2, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh;
- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

3. Nội dung thực hành.

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3.	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4.	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5.	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6.	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp

7.	Chẩn đoán và điều trị đột quy não
8.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13.	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
14.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
B	Các dịch vụ kỹ thuật
1.	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2.	Vận hành máy Monitor
3.	Điện tim thường
4.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5.	Nghiệm pháp dây thắt
6.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7.	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8.	Cấp cứu cao huyết áp
9.	Cấp cứu ngừng tim
10.	Cấp cứu tụt huyết áp
11.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13.	Ép tim ngoài lồng ngực
14.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15.	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
16.	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
17.	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
18.	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
19.	Chăm sóc lỗ mở khí quản
20.	Chăm sóc ống nội khí quản
21.	Chọc tháo dịch màng phổi
22.	Chọc dịch ổ bụng
23.	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
24.	Đặt ống nội khí quản
25.	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
26.	Khí dung thuốc giãn phế quản
27.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
28.	Sơ cứu bóng đường hô hấp
29.	Sơ cứu bóng ký đầu đường hô hấp
30.	Thay canuyn mở khí quản
31.	Cấp cứu ngừng thở
32.	Thở oxy qua gọng kính
33.	Thở oxy qua mặt nạ
34.	Thở oxy qua mặt nạ có túi

35.	Thở ngạt
36.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
37.	Cho ăn qua ống thông dạ dày
38.	Đặt ống thông dạ dày
39.	Đặt ống thông hậu môn
40.	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
41.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
42.	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Chuyên khoa Nhi
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1.	Suy dinh dưỡng ở trẻ em
2.	Phản vệ ở trẻ em
3.	Rối loạn điện giải
4.	Hôn mê
5.	Sốt cao co giật
6.	Hội chứng hít phân su
7.	Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh
8.	Suy hô hấp ở trẻ sơ sinh
9.	Nhiễm trùng rốn sơ sinh
10.	Viêm phổi do vi khuẩn ở trẻ em
11.	Viêm tiểu phế quản cấp
12.	Viêm phổi do Virus
13.	Hen phế quản ở trẻ em
14.	Viêm tiểu phế quản ở trẻ em
15.	Viêm thanh khí phế quản cấp
16.	Viêm phế quản phổi do vi khuẩn
17.	Thiếu máu thiếu sắt
18.	Thiếu máu tan máu
19.	Hội chứng xuất huyết ở trẻ em
20.	Chỉ định truyền máu, các tai biến do truyền máu và xử trí
21.	Hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em
22.	Lupus ban đỏ hệ thống ở trẻ em
23.	Nhiễm trùng đường niệu
24.	Suy thận cấp
25.	Viêm cầu thận cấp
26.	Động kinh trẻ em
27.	Viêm màng não mủ
28.	Tiêu chảy cấp
29.	Tiêu chảy kéo dài
30.	Táo bón
31.	Nhiễm Ký sinh trùng đường ruột
32.	Đau bụng chức năng
33.	Xuất huyết tiêu hóa

34.	Viêm loét dạ dày tá tràng ở trẻ em
35.	Còi xương do thiếu Vitamin D ở trẻ em
36.	Béo phì ở trẻ em
37.	Viêm họng, viêm Amydal cấp
38.	Bệnh tim bẩm sinh
	Thực hành lâm sàng
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
2	Đặt nội khí quản
3	Thở máy xâm nhập
4	Xử trí bệnh nhân co giật
5	Chọc hút/ dẫn lưu màng phổi
6	Thở máy không xâm nhập
7	Khí dung thuốc cấp cứu
8	Thủ thuật Heimlich (lay dị vật đường thở)
9	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy
10	Đặt sode dạ dày, rửa dạ dày
11	Thụt tháo
12	Đo thông khí hô hấp

3.2 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi trực tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LINH SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CĐT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng bác sĩ y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y học cổ truyền;

- Văn bằng cử nhân y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ y học cổ truyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập chung trong thời gian 12 tháng, trong đó:

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.

- 07 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 2.

- 02 tháng thực hành nội dung Dược cổ truyền.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành chuyên môn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
1.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3.	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4.	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5.	Chẩn đoán và điều trị Shock phân vệ
6.	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7.	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thân hư
12.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thân cấp
13.	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật
1.	Xử trí tăng áp lực nội sọ

2.	Vận hành máy Monitor
3.	Điện tim thường
4.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5.	Nghiệm pháp dây thắt
6.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7.	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8.	Cấp cứu cao huyết áp
9.	Cấp cứu ngừng tim
10.	Cấp cứu tụt huyết áp
11.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13.	Ép tim ngoài lồng ngực
14.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15.	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
16.	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
17.	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
18.	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
19.	Chăm sóc lỗ mở khí quản
20.	Chăm sóc ống nội khí quản
21.	Chọc tháo dịch màng phổi
22.	Chọc dịch ổ bụng
23.	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
24.	Đặt ống nội khí quản
25.	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
26.	Khí dung thuốc giãn phế quản
27.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
28.	Sơ cứu bóng đường hô hấp
29.	Sơ cứu bóng kỳ đầu đường hô hấp
30.	Thay canuyn mở khí quản
31.	Cấp cứu ngừng thở
32.	Thở oxy qua gọng kính
33.	Thở oxy qua mặt nạ
34.	Thở oxy qua mặt nạ có túi
35.	Thổi ngạt
36.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
37.	Cho ăn qua ống thông dạ dày
38.	Đặt ống thông dạ dày
39.	Đặt ống thông hậu môn
40.	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
41.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
42.	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 2
A	Dịch vụ kỹ thuật Y học cổ truyền
1.	Mai hoa châm
2.	Hào châm

3.	Mãng châm
4.	Nhĩ châm
5.	Điện châm
6.	Thủy châm
7.	Cấy chỉ
8.	Ôn châm
9.	Cứu
10.	Chích lễ
11.	Laser châm
12.	Kéo nắn cột sống thắt lưng
13.	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
14.	Ngâm thuốc YHCT toàn thân
15.	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
16.	Đặt thuốc YHCT
17.	Bỏ thuốc
18.	Chườm ngải
19.	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
20.	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược
21.	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em
22.	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
23.	Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
24.	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình
25.	Điện mãng châm điều trị hen phế quản
26.	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp
27.	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa
28.	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
29.	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V
30.	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
31.	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên
32.	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc
33.	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực
34.	Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài
35.	Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang
36.	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp
37.	Điện mãng châm điều trị đau lưng
38.	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu tiện
39.	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng
40.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy
41.	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản
42.	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên
43.	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa
44.	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
45.	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ

46.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress
47.	Điện nhĩ châm điều trị nấc
48.	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
49.	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
50.	Điện nhĩ châm điều trị di tinh
51.	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng
52.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
53.	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn
54.	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V
55.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
56.	Điện nhĩ châm điều trị khản tiếng
57.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
58.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên
59.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới
60.	Điện nhĩ châm điều trị thông kinh
61.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
62.	Điện nhĩ châm điều trị đau hồ mắt
63.	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc
64.	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
65.	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực
66.	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài
67.	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang
68.	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm
69.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa
70.	Điện nhĩ châm điều trị đau răng
71.	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp
72.	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai
73.	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp
74.	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng
75.	Điện nhĩ châm điều trị ù tai
76.	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứ giác
77.	Điện nhĩ châm điều trị liệt rãnh, đám rối dây thần kinh
78.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông
79.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
80.	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư
81.	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona
82.	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh
83.	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt
84.	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
85.	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược
86.	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng
87.	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng

88.	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông
89.	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu
90.	Cây chỉ điều trị mất ngủ
91.	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình
92.	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy
93.	Cây chỉ điều trị hen phế quản
94.	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp
95.	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
96.	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
97.	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn
98.	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn
99.	Cây chỉ điều trị liệt chi trên
100.	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới
101.	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang
102.	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài
103.	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
104.	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai
105.	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp
106.	Cây chỉ điều trị đau lưng
107.	Cây chỉ điều trị đái dầm
108.	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ
109.	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
110.	Điện châm điều trị huyết áp thấp
111.	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
112.	Điện châm điều trị hội chứng stress
113.	Điện châm điều trị cảm mạo
114.	Điện châm điều trị viêm amidan
115.	Điện châm điều trị trĩ
116.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
117.	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em
118.	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
119.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
120.	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận
121.	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện
122.	Điện châm điều trị bí đái cơ năng
123.	Điện châm điều trị sa tử cung
124.	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
125.	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
126.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
127.	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
128.	Điện châm điều trị khản tiếng
129.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi

130.	Điện châm điều trị liệt chi trên
131.	Điện châm điều trị chấp lẹo
132.	Điện châm điều trị đau hố mắt
133.	Điện châm điều trị viêm kết mạc
134.	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
135.	Điện châm điều trị lác cơ năng
136.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông
137.	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
138.	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa
139.	Điện châm điều trị đau răng
140.	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
141.	Điện châm điều trị ù tai
142.	Điện châm điều trị giảm khứu giác
143.	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh
144.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
145.	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư
146.	Điện châm điều trị giảm đau do zona
147.	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh
148.	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông
149.	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
150.	Thủy châm điều trị mất ngủ
151.	Thủy châm điều trị hội chứng stress
152.	Thủy châm điều trị nấc
153.	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm
154.	Thủy châm điều trị viêm amydan
155.	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
156.	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng
157.	Thủy châm điều trị mày đay
158.	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng
159.	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược
160.	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em
161.	Thủy châm điều trị giảm thính lực
162.	Thủy châm điều trị liệt trẻ em
163.	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em
164.	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em
165.	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
166.	Thủy châm điều trị sa tử cung
167.	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
168.	Thủy châm điều trị đái dầm
169.	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
170.	Thủy châm điều trị đau vai gáy
171.	Thủy châm điều trị huyết áp thấp
172.	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính

173.	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
174.	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
175.	Thủy châm điều trị thất vận ngôn
176.	Thủy châm điều trị đau dây V
177.	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống
178.	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não
179.	Thủy châm điều trị khàn tiếng
180.	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
181.	Thủy châm điều trị liệt chi trên
182.	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới
183.	Thủy châm điều trị sụp mí
184.	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang
185.	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa
186.	Thủy châm điều trị đau răng
187.	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài
188.	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
189.	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp
190.	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai
191.	Thủy châm điều trị đau lưng
192.	Thủy châm điều trị đau hố mắt
193.	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
194.	Thủy châm điều trị lác cơ năng
195.	Thủy châm điều trị giảm thị lực
196.	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu tiện
197.	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng
198.	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên
199.	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới
200.	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
201.	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông
202.	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não
203.	Xoa bóp bấm huyết điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
204.	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
205.	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên
206.	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới
207.	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất
208.	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em
209.	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai
210.	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác
211.	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ
212.	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
213.	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp
214.	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu
215.	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ

216.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress
217.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
218.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
219.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
220.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
221.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi
222.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
223.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực
224.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
225.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực
226.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
227.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
228.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
229.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp
230.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
231.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng
232.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc
233.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
234.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hoá khớp
235.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
236.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
237.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
238.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt
239.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
240.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa
241.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt
242.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh
243.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh
244.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
245.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá
246.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông
247.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng
248.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì
249.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
250.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
251.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
252.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư
253.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm
254.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly
255.	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn
256.	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
257.	Cứu điều trị nấc thể hàn

258.	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn
259.	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn
260.	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn
261.	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
262.	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn
263.	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
264.	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn
265.	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
266.	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn
267.	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn
268.	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
269.	Cứu điều trị di tinh thể hàn
270.	Cứu điều trị liệt dương thể hàn
271.	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn
272.	Cứu điều trị bí đái thể hàn
273.	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn
274.	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn
275.	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn
276.	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
277.	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
278.	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
279.	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
280.	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
281.	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
282.	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn
283.	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt
284.	Giác hơi điều trị các chứng đau
285.	Giác hơi điều trị cảm cúm
B	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
1.	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
2.	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
3.	Điều trị bằng các dòng điện xung
4.	Điều trị bằng siêu âm
5.	Điều trị bằng sóng xung kích
6.	Điều trị bằng tia hồng ngoại
7.	Điều trị bằng Parafin
8.	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
9.	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
10.	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
11.	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
12.	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
13.	Tập đi với thanh song song
14.	Tập đi với khung tập đi

15.	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
16.	Tập đi với gậy
17.	Tập đi với bàn xương cá
18.	Tập lên, xuống cầu thang
19.	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gồ ghề...)
20.	Tập đi với chân giả trên gối
21.	Tập đi với chân giả dưới gối
22.	Tập vận động thụ động
23.	Tập vận động có trợ giúp
24.	Tập vận động có kháng trở
25.	Tập vận động trên bóng
26.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng
27.	Tập với thang tường
28.	Tập với ròng rọc
29.	Tập với xe đạp tập
30.	Tập các kiểu thở
31.	Tập ho có trợ giúp
32.	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu
33.	Kỹ thuật xoa bóp vùng
34.	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân
35.	Tập điều hợp vận động
36.	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
37.	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
38.	Tập tri giác và nhận thức
39.	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu
40.	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu
41.	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)
42.	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng
43.	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối
44.	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối
45.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)
46.	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO
47.	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO
48.	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO
49.	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO
50.	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO
C Dược cổ truyền	
1.	Nhận biết cách bào chế các bài thuốc y học cổ truyền
2.	Nhận biết các dụng cụ bào chế và cách sử dụng các phụ liệu trong bào chế thuốc cổ truyền: Kỹ thuật sơ chế thuốc, kỹ thuật sao trực tiếp
3.	Kỹ thuật sao gián tiếp, kỹ thuật sao có phụ liệu

4.	Kỹ thuật bào chế các vị thuốc cổ truyền: Thực địa, Hà thủ ô, Bán hạ chế
5.	Kỹ thuật bào chế các bài thuốc có độc tính của y học cổ truyền: Mã tiền, Phụ tử chế, Bạch phụ tử

3.2 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham còn gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

**CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH LÂM SÀNG
CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG**

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành:

- Văn bằng trung cấp điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp điều dưỡng;

- Văn bằng cao đẳng điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng điều dưỡng;

- Văn bằng cử nhân điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân điều dưỡng.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 06 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh cơ sở 2 như sau:

- 01 tháng tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.

- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tối thiểu 2 trong

4 khoa chuyên khoa, đảm bảo đủ 2 hệ Nội - Nhi - Truyền nhiễm và Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa:

+ 02 tháng thực hành tại khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

+ 03 tháng thực hành tại khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.

3. Chương trình thực hành

3.1 Chương trình thực hành lý thuyết

STT	NỘI DUNG
1	Các văn bản quy phạm pháp luật; các quy định liên quan công tác điều dưỡng tại Trung tâm
2	Luật Bảo hiểm y tế
3	Đón tiếp người bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.
4	Cập nhật các quy trình, kỹ thuật tiêm truyền, lấy máu và bệnh phẩm làm xét nghiệm
5	Phản vệ và cấp cứu ngừng tuần hoàn
6	Phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật
7	An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn
8	Kiến thức về điều dưỡng và chăm sóc người bệnh

9	Quản lý chăm sóc người bệnh
10	Quản lý thực hiện thuốc cho người bệnh
11	Sơ cứu cấp cứu
12	Sử dụng thành thạo các loại máy: Monitor, bom tiêm điện, máy truyền dịch,
13	Truyền thông, giáo dục sức khoẻ

3.2 Chương trình thực hành lâm sàng

STT	Quy trình kỹ thuật
	I. Chương chung
1	Băng ép bất động xử trí rắn độc cắn+
2	Băng ép cầm máu+
3	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ+
4	Cạo râu
5	Cắt chi
6	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương
7	Cắt móng chân, chăm sóc móng chân
8	Cắt móng tay/chân
9	Cắt/cạo tóc
10	Cấp cứu cao huyết áp+
11	Cấp cứu ngừng tim+
12	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản+
13	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản+
14	Cấp cứu ngừng thở+
15	Cấp cứu tụt huyết áp+
16	Chăm sóc catheter cố định
17	Chăm sóc catheter động mạch
18	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
19	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm
20	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu
21	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
22	Chăm sóc lỗ mở thông ra da có biến chứng
23	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
24	Chăm sóc ống thông bàng quang

25	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
26	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
27	Chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật
28	Đánh giá độ đau bằng các thang điểm
29	Đánh giá huyết áp
30	Đánh giá mạch
31	Đánh giá mức độ đau bằng điện cực
32	Đánh giá nhịp thở
33	Đánh giá rối loạn nuốt
34	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người bệnh
35	Đánh giá, nhận định người bệnh
36	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu+
37	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên *
38	Đặt ống thông dạ dày
39	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
40	Đặt ống thông hậu môn *
41	Điện tim thường
42	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiêu cầu hoặc huyết tương
43	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu
44	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiêu cầu hoặc huyết tương
45	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu
46	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu
47	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
48	Đo thân nhiệt bằng nhiệt kế
49	Đo trọng lượng cơ thể cho người bệnh nặng bằng dụng cụ chuyên biệt
50	Đo vòng đầu
51	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
52	Ghi điện tim thường
53	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường

54	Hút dịch dạ dày
55	Hút đờm hầu họng
56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)
57	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)
58	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)
59	Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật chuyên môn tự thực hiện tại nhà trước khi ra viện
60	Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật chuyên môn tự thực hiện trong quá trình điều trị
61	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều
62	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều
63	Kỹ thuật đánh giá đau cho người bệnh
64	Kỹ thuật đánh giá, phân cấp chăm sóc cho người bệnh
65	Kỹ thuật gọi đầu cho người bệnh tại giường
66	Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bằng xe lăn
67	Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh tập đi bằng xe chữ U
68	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi dưới
69	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi trên
70	Kỹ thuật bơm thuốc qua ống thông mũi - dạ dày
71	Kỹ thuật bơm, kiểm tra áp lực bóng chèn NKQ/MKQ *
72	Kỹ thuật cân người bệnh nặng tại giường
73	Kỹ thuật cố định NB kích động
74	Kỹ thuật chăm sóc dẫn lưu
75	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục
76	Kỹ thuật chăm sóc ống thông mạch máu
77	Kỹ thuật chăm sóc ống thông tiêu lưu
78	Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua đường miệng
79	Kỹ thuật cho người bệnh có rối loạn về nuốt ăn
80	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc
81	Kỹ thuật chuyển người bệnh hạn chế vận động

82	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị phù do nguyên nhân tắc mạch bạch huyết *
83	Kỹ thuật đặt ống thông tiểu 1 lần
84	Kỹ thuật đặt ống thông tiểu liên tục
85	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt nửa người
86	Kỹ thuật đo chiều cao, cân nặng
87	Kỹ thuật đo trọng lượng cơ thể cho người bệnh nặng bằng dụng cụ chuyên biệt
88	Kỹ thuật đo vòng bụng
89	Kỹ thuật đo vòng cánh tay
90	Kỹ thuật garo cầm máu +
91	Kỹ thuật gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
92	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
93	Kỹ thuật hoàn hồi dịch tiêu hóa *
94	Kỹ thuật làm sạch nòng trong canuyn mở khí quản 2 nòng
95	Kỹ thuật lấy dịch tỵ hầu để xét nghiệm
96	Kỹ thuật lấy đờm tác động bằng vỗ rung
97	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
98	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch bẹn*
99	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch với hệ thống hút chân không
100	Kỹ thuật lấy mủ làm xét nghiệm
101	Kỹ thuật lấy nước tiểu 24h
102	Kỹ thuật lấy nước tiểu ở người bệnh có đặt dẫn lưu nước tiểu
103	Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy
104	Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm
105	Kỹ thuật rút ống dẫn lưu
106	Kỹ thuật rút ống thông mạch máu trung tâm
107	Kỹ thuật rút ống thông tiểu lưu
108	Kỹ thuật sưởi ấm cơ thể bằng hơi
109	Kỹ thuật sưởi ấm cơ thể bằng nhiệt
110	Kỹ thuật tắm cho người bệnh
111	Kỹ thuật tập thở cơ hoành

112	Kỹ thuật tập thở với dụng cụ
113	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua công tiêm thuốc
114	Kỹ thuật thay băng lỗ mở khí quản
115	Kỹ thuật thay túi hậu môn nhân tạo *
116	Kỹ thuật thay túi lỗ mở thông ra da
117	Kỹ thuật theo dõi người bệnh sau can thiệp
118	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống
119	Kỹ thuật thực hiện bôi thuốc ngoài da
120	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo
121	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc: mắt hoặc mũi hoặc miệng hoặc tai
122	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh
123	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh có ống NKQ hoặc người bệnh thở máy
124	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
125	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
126	Kỹ thuật xoa bóp chân bằng máy cho người bệnh đái tháo đường
127	Kỹ thuật xoa bóp điều trị dự phòng loét (loét độ I)
128	Kỹ thuật xoa bóp vùng
129	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
130	Kỹ thuật xoay chuyển người bệnh dự phòng loét tỳ đè
131	Kỹ thuật xử trí loét do đè ép độ I, độ II
132	Khí dung mũi họng
133	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
134	Khí dung thuốc giãn phế quản
135	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
136	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
137	Liệu pháp giảm đau không dùng thuốc
138	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
139	Lưu kim luân tĩnh mạch để tiêm thuốc
140	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
141	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ

142	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
143	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ
144	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày
145	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)
146	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ
147	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
148	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng
149	Nhận định, đánh giá khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ qua
150	Rửa bàng quang
151	Rửa dạ dày
152	Rửa dạ dày cấp cứu
153	Sàng lọc nguy cơ dinh dưỡng
154	Sàng lọc nguy cơ dinh dưỡng
155	Săn sóc theo dõi ống thông tiêu
156	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt+
157	Tập các kiểu thở
158	Tập lăn trở khi nằm
159	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
160	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
161	Tập vận động có trợ giúp
162	Tập vận động thụ động
163	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch
164	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt
165	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
166	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) *
167	Thay băng điều trị vết thương mạn tính
168	Thay băng vết mổ
169	Thay băng vết thương hoại tử mất da rộng *
170	Thay băng vết thương môm cụt chi
171	Thay băng vết thương sau cắt lọc hoại tử dưới 10 cm ²

172	Thay băng vết thương sau cắt lọc hoại tử trên 10 cm ² *
173	Thay băng vết thương, vết loét trên người bệnh đái tháo đường
174	Thay băng vết thương, vết mổ chiều dài ≤ 15 cm
175	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
176	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ
177	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
178	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
179	Theo dõi khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ
180	Theo dõi SpO ₂
181	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
182	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ
183	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
184	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sóc phản vệ 72 giờ đầu
185	Theo dõi, thay túi lỗ mở thông ra da
186	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ
187	Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ)
188	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)
189	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)
190	Thở oxy qua mũ kín
191	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)
192	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)
193	Thủ thuật Heimlich
194	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em+
195	Thụt giữ
196	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
197	Thụt tháo phân
198	Thụt thuốc qua đường hậu môn
199	Truyền dịch thường qui
200	Truyền dịch trong sóc
201	Truyền khối tiêu cầu có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường
202	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui
203	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)

204	Truyền máu toàn phần có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường
205	Truyền máu trong sóc
206	Truyền tĩnh mạch
207	Truyền tĩnh mạch qua máy
208	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức
209	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường
210	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)
211	Xoay trở bệnh nhân thở máy
212	Băng chỉnh hình số 8
213	Bột Corset Minerve,Cravate
214	Bơm rửa liên tục trong điều trị vết thương mạn tính phức tạp*
215	Cắt chỉ thép*
216	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc
217	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
218	Cắt lọc hạt tó phi vỡ*
219	Cố định tạm thời cột sống cổ bằng nẹp+
220	Cố định tạm thời cột sống lưng bằng nẹp+
221	Cố định tạm thời xương cánh tay+
222	Cố định tạm thời xương cẳng chân+
223	Cố định tạm thời xương cẳng tay+
224	Cố định tạm thời xương chậu+
225	Cố định tạm thời xương đòn+
226	Cố định tạm thời xương đùi +
227	Cố định tạm thời xương vai+
228	Chăm sóc lỗ mở thông hồng tràng ra da
229	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe
230	Đặt dẫn lưu vết thương *
231	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng
232	Đặt đai vải treo tay
233	Đặt nẹp đùi cẳng bàn chân chống xoay trong gãy cổ xương đùi
234	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng
235	Kỹ thuật cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng+

236	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng
237	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay *
238	Nẹp bột các loại, không nắn *
239	Rút sonde dẫn lưu hố thận ghép qua da*
240	Rửa bàng quang lấy máu cục
241	Thay băng chăm sóc vùng lấy da
242	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
243	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
244	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn
245	Thay băng vết loét do vỡ hạt tophoy
246	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng
247	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng
248	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc+
249	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong
250	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
251	Chăm sóc catheter swan-ganz ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu
252	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu
253	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc *
254	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
255	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh
256	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
257	Hút liên tục trên bóng chèn áp lực thấp
258	Hút nội khí quản bằng hệ thống kín
259	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản
260	Kỹ thuật bơm hơi áp lực ngắt quãng dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu chi dưới
261	Kỹ thuật cách ly dự phòng
262	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng
263	Kỹ thuật đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trung tâm liên tục
264	Kỹ thuật garo trong phù phổi cấp +
265	Kỹ thuật ho khắc đờm bằng khí dung có nước muối ưu trương

266	Kỹ thuật truyền thuốc giải độc trong ngộ độc cấp
267	Kỹ thuật truyền thuốc qua máy bơm tiêm điện
268	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
269	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
270	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản. mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
271	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc
272	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
273	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn*
274	Đo áp lực hậu môn, trực tràng*
275	Kỹ thuật đo áp lực động mạch, tĩnh mạch trung tâm liên tục*
276	Kỹ thuật xử trí loét do đè ép độ III*
277	Tiêm tế bào gốc qua đường tiêm bắp*
278	Chiếu đèn LED điều trị bệnh da *
279	Đo các thể tích phổi - Lung Volumes*
280	Đo chuyển hoá cơ bản*
281	Bó bột cánh cẳng bàn tay *
282	Bó bột cẳng bàn chân *
283	Bó bột cẳng bàn tay*
284	Bó bột chậu lưng chân *
285	Đặt đai số 8 gãy xương đòn*
286	Đặt lại khớp trật cũ khớp vai*
287	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay*
288	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân*
289	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay*

3.3 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH LÂM SÀNG
CHỨC DANH HỘ SINH

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành:

- Văn bằng trung cấp hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp hộ sinh.

- Văn bằng cao đẳng hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng hộ sinh.

- Văn bằng cử nhân hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân hộ sinh.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 06 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh cơ sở 2 như sau:

- 01 tháng tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
- 05 tháng thực hành tại khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.

3. Chương trình thực hành

3.1 Chương trình thực hành lý thuyết

STT	NỘI DUNG
1	Các văn bản quy phạm pháp luật; các quy định liên quan công tác điều dưỡng tại Trung tâm
2	Luật Bảo hiểm y tế
3	Đón tiếp người bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.
4	Cập nhật các quy trình, kỹ thuật tiêm truyền, lấy máu và bệnh phẩm làm xét nghiệm
5	Phản vệ và cấp cứu ngừng tuần hoàn
6	Phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật
7	An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn
8	Kiến thức về điều dưỡng và chăm sóc người bệnh
9	Quản lý chăm sóc người bệnh
10	Quản lý thực hiện thuốc cho người bệnh
11	Sơ cứu cấp cứu
12	Sử dụng thành thạo các loại máy: Monitor, bơm tiêm điện, máy truyền

	dịch, máy đo đường máu mao mạch
13	Truyền thông, giáo dục sức khoẻ

3.2 Chương trình thực hành lâm sàng

STT	Quy trình kỹ thuật
	TRƯỚC SINH
1	Khám thai
2	Kỹ thuật theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa *
3	Kỹ thuật cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung đường âm đạo *
4	Chăm sóc, theo dõi thai phụ mắc bệnh truyền nhiễm
5	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý
6	Chăm sóc, chuẩn bị bệnh trước phẫu thuật sản, phụ khoa
7	Soi ối
8	Xử trí ban đầu người bệnh có bệnh lý về sản khoa
9	Hướng dẫn lăn bóng xoa dịu cơn đau chuyển dạ
10	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống cho phụ nữ mang thai
	TRONG SINH
11	Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ
12	Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ
13	Theo dõi và truyền oxytocin trong chuyển dạ
14	Theo dõi gây chuyển dạ bằng thuốc
15	Xử trí ban đầu các trường hợp bất thường trong chuyển dạ
16	Xử trí sa dây rốn
17	Kỹ thuật tách màng ối
18	Kỹ thuật bấm ối
19	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
20	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
21	Đỡ đẻ ngôi mông *
22	Đỡ đẻ ngôi mặt *
23	Đỡ đẻ thường trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng; HIV-AIDS ...)
24	Đỡ đẻ rơi
25	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ
26	Xử trí ban đầu những trường hợp bất thường trong đẻ

27	Thực hiện nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
28	Kiểm soát tử cung *
29	Bóc rau nhân tạo *
30	Cắt và khâu tầng sinh môn
31	Đón bé sau mổ
32	Theo dõi sản phụ đặt bóng gây chuyển dạ - bóng kéo
33	Theo dõi sản phụ đặt bóng gây chuyển dạ - bóng Cook
34	Theo dõi sản phụ gây chuyển dạ bằng thuốc Propess
	SAU SINH
35	Kỹ thuật da kề da (ngay sau đẻ, mổ đẻ)
36	Chèn gạc âm đạo cầm máu
37	Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh đường âm đạo
38	Khâu phục hồi rách âm đạo, tầng sinh môn độ 1, 2,
39	Khâu phục hồi rách âm hộ
40	Xử trí vết rách cổ tử cung đơn thuần *
41	Cặp, kéo cổ tử cung cầm máu sau đẻ; sau sảy; sau nạo
42	Lấy khối máu tụ âm đạo; tầng sinh môn với kích thước < 2x3 cm
43	Theo dõi đặt bóng chèn lòng tử cung để cầm máu
44	Lấy bệnh phẩm để sinh thiết rau thai sau mổ rau
45	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật truyền nhiễm
46	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngày đầu sau đẻ
47	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ tuần đầu sau đẻ
48	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ 6 tuần đầu sau đẻ
49	Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh
50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
51	Điều trị tắc tia sữa bằng hồng ngoại
52	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn
53	Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ
54	Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ
55	Làm thuốc tầng sinh môn sau đẻ
56	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
57	Chích áp xe tầng sinh môn
58	Ép tử cung bằng tay (2 tay ngoài, 1 tay ngoài 1 tay trong âm đạo) để cầm máu sau sinh

59	Nong cổ tử cung do bế sản dịch
60	Hút buồng tử cung bằng bơm hút chân không để điều trị chảy máu muộn thời kỳ sau đẻ *
	PHỤ KHOA- PHÁ THAI - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
61	Khám phụ khoa
62	Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa
63	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa
64	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa
65	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước phẫu thuật sản, phụ khoa
66	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau phẫu thuật sản, phụ khoa
67	Chăm sóc và theo dõi người bệnh trước phẫu thuật bệnh lý
68	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật bệnh lý
69	Chăm sóc, theo dõi người bệnh rò bàng quang - âm đạo
70	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý
71	Chăm sóc, theo dõi người bệnh chữa ngoài tử cung
72	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau nạo thai trứng
73	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau mổ cắt vú
74	Hướng dẫn , tư vấn về dinh dưỡng phù hợp cho người bệnh sản phụ khoa
75	Khám vú cho phụ nữ
76	Thực hiện test acid acetic, lugol
77	Chiếu tia hồng ngoại điều trị viêm dính tiểu khung
78	Thực hiện Sóng ngắn điều trị viêm dính tiểu khung
79	Lấy dị vật âm đạo
80	Chích áp xe tuyến Bartholin
81	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục
82	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo
83	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm tế bào học âm đạo, cổ tử cung
84	Lấy bệnh phẩm âm đạo, cổ tử cung để xét nghiệm HPV
85	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi khuẩn, vi nấm, Trichomonas nhuộm soi và phân tích tự động hỗ trợ chẩn đoán viêm âm đạo
86	Đặt thuốc trong điều trị viêm âm hộ, âm đạo, cổ tử cung
87	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
88	Cấy hoặc tháo thuốc tránh thai (một nang; nhiều nang) (theo chỉ định)
89	Đặt dụng cụ tử cung

90	Tháo dụng cụ tử cung
91	Theo dõi, chăm sóc người bệnh phá thai nội khoa
92	Kỹ thuật xử lý thoát mạch hóa chất/bệnh nhân ung thư
93	Chăm sóc và theo dõi người bệnh hỗ trợ sinh sản
94	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau các thủ thuật hỗ trợ sinh sản
95	Chăm sóc người bệnh quá kích buồng trứng
96	Tách, lột bao quy đầu
	SƠ SINH
97	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
98	Khám phát hiện dị tật ngoài trẻ sơ sinh
99	Khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ
100	Chăm sóc rốn sơ sinh
101	Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn
102	Lấy máu gót chân sơ sinh
103	Xóa bóp thư giãn cho trẻ sơ sinh
104	Tắm trẻ sơ sinh
105	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngay sau đẻ
106	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngày đầu sau đẻ
107	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh tuần đầu sau đẻ
108	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh 6 đầu sau đẻ
109	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
110	Cho trẻ ăn qua sonde dạ dày
111	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh nằm lồng ấp
112	Đặt sonde hậu môn trẻ sơ sinh
113	Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh
114	Cấp cứu sặc sữa
115	Xử trí ban đầu dị vật đường thở trẻ sơ sinh
116	Xử trí ban đầu hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh
117	Xử trí ban đầu hạ đường huyết ở trẻ sơ sinh
118	Xử trí chảy máu rốn
119	Chăm sóc theo dõi trẻ sơ sinh có mẹ có bệnh truyền nhiễm
120	Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh có mẹ bệnh lý
121	Cố định tạm thời gãy xương trẻ sơ sinh

122	Chăm sóc trẻ sơ sinh được chiếu đèn điều trị vàng da
123	Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh bằng phương pháp Căng gu ru
124	Lấy máu cuống rốn sơ sinh, tĩnh mạch rốn
125	Kỹ thuật theo dõi chức năng não liên tục ở trẻ sơ sinh
126	Kỹ thuật theo dõi PCO2 và PO2 máu qua da ở trẻ sơ sinh
127	Truyền máu sơ sinh
128	Truyền máu cho thai nhi qua dây rốn
129	Chăm sóc trẻ sơ sinh thở khí NO
130	Chăm sóc trẻ sơ sinh hạ thân nhiệt chỉ huy
131	Tiêm chủng và theo dõi, chăm sóc sau tiêm chủng

3.3 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH LÂM SÀNG
CHỨC DANH KỸ THUẬT Y - KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện
Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành:

- Văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học;
- Văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học;
- Văn bằng cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập chung, toàn thời gian trong thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cơ sở 2, trong đó:

- 01 tháng tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại bộ phận xét nghiệm thuộc khoa Cận lâm sàng.

3. Chương trình thực hành

3.1 Thực hành khám bệnh, chữa bệnh hồi sức cấp cứu

STT	NỘI DUNG
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
4	Vận chuyển an toàn người bệnh
5	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
7	Xử trí sốc phản vệ

3.2 Thực hành chuyên khoa Xét nghiệm

I	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm
1	Tổ chức quản lý phòng xét nghiệm
2	An toàn phòng xét nghiệm. Sơ tay an toàn

3	Tổng quan về hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm Tài liệu hồ sơ trong quản lý chất lượng xét nghiệm
4	Khái niệm cơ bản về Quản lý chất lượng giai đoạn trong xét nghiệm: Nội kiểm, ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm
5	Sai số trong quá trình xét nghiệm: Trước, trong và sau xét nghiệm; biện pháp khắc phục
II Hoá sinh - Miễn dịch	
1	Cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của máy hoá sinh - miễn dịch
2	Đảm bảo chất lượng trong xét nghiệm hoá sinh - miễn dịch
3	Vận hành máy Hoá sinh - Miễn dịch tự động
III Huyết học - Đông máu - Truyền máu	
1	Giới thiệu chung về huyết học - Truyền máu: Cơ sở, hệ thống, an toàn phòng xét nghiệm.... Quy trình nhận mẫu và xử lý mẫu
2	Nguyên lý, vận hành hệ thống máy đông máu tự động. Phân tích và xử lý một số trường hợp kết quả máu đông máu bất thường
3	Nguyên lý, vận hành hệ thống máy máy đếm tế bào tự động. Phân tích và xử lý một số trường hợp kết quả tế bào máu bất thường
4	An toàn truyền máu: các bước phát chế phẩm máu an toàn và kỹ thuật thực hiện định nhóm máu hệ ABO/Rh, hoà hợp miễn dịch
IV Vi sinh	
1	An toàn sinh học trong vi sinh, phân loại và xử lý bệnh phẩm vi sinh
2	Kỹ thuật xét nghiệm Vi sinh về nhuộm soi - nuôi cấy, miễn dịch
3	Kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử trong Vi sinh
V Ký sinh trùng	
1	Tổ chức và sắp xếp hệ thống phòng xét nghiệm Ký sinh trùng
2	Hướng dẫn lấy mẫu bệnh phẩm làm xét nghiệm tìm ký sinh trùng
3	Thực hành an toàn phòng xét nghiệm Ký sinh trùng
4	Các phương pháp xét nghiệm trực tiếp tìm Ký sinh trùng
5	Xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán bệnh ký sinh trùng
6	Kỹ thuật nuôi cấy và định danh vi nấm

3.3 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH LÂM SÀNG
CHỨC DANH KỸ THUẬT Y - KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành:

- Văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học;

- Văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học;

- Văn bằng cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cơ sở 2, trong đó:

- 01 tháng tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.

- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại bộ phận chẩn đoán hình ảnh thuộc Khoa Cận lâm sàng.

3. Chương trình thực hành

3.1 Thực hành khám bệnh, chữa bệnh hồi sức cấp cứu

STT	NỘI DUNG
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
4	Vận chuyển an toàn người bệnh
5	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
7	Xử trí sốc phản vệ

3.3 Thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh

STT	NỘI DUNG
I	Kiến thức chung
1	Các nội quy, quy định, an toàn trong hành nghề
2	An toàn người bệnh
3	Phòng ngừa chuẩn và Kiểm soát nhiễm khuẩn
4	Quản lý, vận hành trang thiết bị máy móc chẩn đoán hình ảnh
5	Tâm lý người bệnh
6	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử
7	Tiếp đón và chuẩn bị người bệnh trước chụp
8	Tiếp đón và chuẩn bị bệnh nhân trước chụp Xquang
9	Tiếp đón và chuẩn bị bệnh nhân trước chụp Cắt lớp vi tính
III	X-quang
1	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng
2	Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz số hóa 1 phim]
3	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
4	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
5	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
6	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
7	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch
8	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên
9	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
10	Chụp Xquang đường mật qua Kehr
11	Chụp Xquang hàm chếch một bên
12	Chụp Xquang Hirtz
13	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng
14	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên
15	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch
16	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
17	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
18	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch
19	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
20	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch
21	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch
22	Chụp Xquang khớp vai thẳng
23	Chụp Xquang khung chậu thẳng
24	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
25	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
26	Chụp Xquang ngực thẳng
27	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)
28	Chụp Xquang ruột non
29	Chụp Xquang Schuller

30	Chụp Xquang sọ thẳng/ngiêng
31	Chụp Xquang thực quản cổ ngiêng
32	Chụp Xquang thực quản dạ dày
33	Chụp Xquang tử cung vòi trứng
34	Chụp Xquang xương bả vai thẳng ngiêng
35	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, ngiêng hoặc chềch
36	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, ngiêng hoặc chềch
37	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè
38	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng ngiêng
39	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng ngiêng
40	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng ngiêng
41	Chụp Xquang xương chính mũi ngiêng hoặc tiếp tuyến
42	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, ngiêng hoặc chềch
43	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, ngiêng hoặc chềch
44	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chềch
45	Chụp Xquang xương đùi thẳng ngiêng
46	Chụp Xquang xương gót thẳng ngiêng
47	Chụp Xquang xương ức thẳng, ngiêng
48	Chụp khu trú dị vật nội nhân
49	Chụp khu trú dị vật nội nhân
IV	Chụp Cắt lớp vi tính
1	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)
2	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) có bơm thuốc cản quang
3	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
4	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
5	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 132 dãy)
6	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dãy), có bơm thuốc cản quang
7	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)
8	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)
9	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 132 dãy)
10	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy), có tiêm thuốc cản quang
11	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
12	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)

13	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy), có thuốc cản quang
14	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 132 dãy)
15	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 132 dãy)
16	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)

3.2 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham còn gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

**CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH LÂM SÀNG
CHỨC DANH KỸ THUẬT Y - KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**
(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CĐT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện
Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành:

- Văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật phục hồi chức năng.
- Văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật phục hồi chức năng.
- Văn bằng cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật phục hồi chức năng.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cơ sở 2, trong đó:

- 01 tháng tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.

- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 2.

3. Chương trình thực hành

3.1 Thực hành khám bệnh, chữa bệnh hồi sức cấp cứu

STT	NỘI DUNG
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
4	Vận chuyển an toàn người bệnh
5	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
7	Xử trí sốc phản vệ

3.2 Thực hành chuyên môn Phục hồi chức năng

STT	NỘI DUNG
I	Kiến thức chung
1	Các nội quy, quy định, an toàn trong hành nghề
2	An toàn người bệnh
3	Phòng ngừa chuẩn và Kiểm soát nhiễm khuẩn
4	Quản lý, vận hành trang thiết bị máy móc chẩn đoán hình ảnh
5	Tâm lý người bệnh
6	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử
II	Vật lý trị liệu
1.	Điều trị bằng dòng điện một chiều
2.	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
3.	Điều trị bằng máy kéo dẫn cột sống
4.	Điều trị bằng các dòng điện xung
5.	Điều trị bằng siêu âm
6.	Điều trị bằng sóng xung kích
7.	Điều trị bằng tia hồng ngoại nhân tạo
8.	Điều trị bằng nhiệt nóng
9.	Điều trị bằng Parafin
III	Vận động trị liệu
1	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
2	Tập tạo thuận thân kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên
3	Tập tạo thuận thân kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới
4	Tập tạo thuận thân kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng
5	Kỹ thuật di động khớp
6	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở
7	Kỹ thuật ức chế co cứng tay
8	Kỹ thuật ức chế co cứng chân
9	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình
10	Tập điều hợp vận động
11	Tập mạnh cơ đáy chậu
IV	Hoạt động trị liệu
1	Kỹ thuật điều khiển và xử dụng xe lăn
2	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
3	Tập các vận động thô của bàn tay
4	Tập các vận động khéo léo của bàn tay
5	Tập phối hợp hai tay
6	Tập phối hợp tay mắt
7	Tập phối hợp tay miệng
8	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL)
9	Tập điều hoà cảm giác
10	Tập chi giác và nhận thức

11	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) với các dụng cụ thích nghi
V	Phục hồi chức năng
1	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh tai biến mạch máu não
2	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh sau chấn thương sọ não
3	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh thoái hoá cột sống
4	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh thoái hoá cột sống, thoát vị đĩa đệm
5	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh viêm quanh khớp vai
6	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh bị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
7	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh trẻ em bại não
8	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh vẹo cổ
9	Vật lý trị liệu PHCN cho người bệnh gù vẹo cột sống

3.3 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SỸ ĐA KHOA

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng trung cấp y sỹ, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp y sỹ. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2027;

- Văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa;

- Văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập chung, toàn thời gian trong thời gian 09 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh Cơ sở 2.

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh

- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại các khoa lâm sàng trong đó:

+ 02 tháng tại khoa Nội- Nhi - Truyền nhiễm.

+ 02 tháng tại khoa Ngoại - Sản - Liền chuyên khoa.

+ 02 tháng tại các chuyên khoa khác (chuyên khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi

Họng: 1.5 tháng; khoa YHCT& PHCN: 0.5 tháng)

3. Nội dung đào tạo, thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Chống độc - Gây mê hồi tỉnh.
1.	Chăm sóc người bệnh nặng
2.	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3.	Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
4.	Vận chuyển an toàn người bệnh
5.	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
6.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
7.	Xử trí sốc phản vệ
8.	Ép tim ngoài lồng ngực

9.	Phụ giúp bác sỹ đặt ống Nội khí quản
II	Khoa Nội - Nhi
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
1.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Tăng huyết áp
2.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy tim
3.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Rối loạn nhịp tim
4.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân rối loạn Lipit máu
5.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính
6.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân rối loạn điện giải
7.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hen phế quản
8.	Chẩn đoán và điều trị bệnh viêm phế quản cấp
9.	Chẩn đoán và điều trị bệnh Dạ dày - thực quản - tá tràng
10.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân xuất huyết tiêu hoá
11.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân xơ gan
12.	Chẩn đoán và điều trị viêm tụy cấp
13.	Chẩn đoán và điều trị nhiễm trùng đường tiêu hoá
14.	Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu
15.	Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường
16.	Chẩn đoán và điều trị Basedow
17.	Chẩn đoán và điều trị viêm khớp dạng thấp
18.	Chẩn đoán và điều trị Gút
19.	Chẩn đoán điều trị bệnh nhân thiếu máu
20.	Chẩn đoán và điều trị viêm gan virus cấp
21.	Chẩn đoán và điều trị Cúm
22.	Chẩn đoán và điều trị sốt xuất huyết Dengue
23.	Suy dinh dưỡng ở trẻ em
24.	Phản vệ ở trẻ em
25.	Rối loạn điện giải
26.	Sốt cao co giật
27.	Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh
28.	Suy hô hấp ở trẻ sơ sinh
29.	Nhiễm trùng rốn sơ sinh
30.	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp ở trẻ em
31.	Viêm phế quản phổi
32.	Hen phế quản ở trẻ em
33.	Bệnh viêm tiểu phế quản ở trẻ em
34.	Viêm thanh khí phế quản cấp
35.	Viêm phế quản phổi do vi khuẩn
36.	Thiếu máu thiếu sắt
37.	Thiếu máu tan máu
38.	Hội chứng xuất huyết ở trẻ em
39.	Chỉ định truyền máu, các tai biến do truyền máu và xử trí
40.	Hội chứng thận hư
41.	Nhiễm trùng đường niệu
42.	Viêm cầu thận cấp
43.	Tiêu chảy cấp
44.	Táo bón

45.	Viêm loét dạ dày tá tràng
B	Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật
1.	Rửa dạ dày cấp cứu
2.	Thụt giữ
3.	Thụt thuốc qua đường hậu môn
4.	Đặt ống sonde dạ dày
5.	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
6.	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
7.	Rửa bàng quang
8.	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiêu
9.	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
10.	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
11.	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc
12.	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
13.	Tiêm bắp thịt
14.	Tiêm dưới da
15.	Tiêm trong da
16.	Tiêm truyền thuốc
17.	Truyền dịch thường quy
18.	Truyền máu và các chế phẩm máu
19.	Kỹ thuật đọc phim xquang thông thường
20.	Đọc kết quả điện tim
21.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
22.	Thở oxy qua mặt nạ
23.	Thở ngạt
24.	Thông tiểu trẻ em
25.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
26.	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiêu
27.	Khám sơ sinh
28.	Truyền máu và các chế phẩm máu
III	Khoa Ngoại tổng hợp
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
1.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương cánh tay
2.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương cẳng tay
3.	Chẩn đoán và điều trị vết thương bàn tay
4.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương chậu
5.	Chẩn đoán và điều trị gãy cổ xương đùi
6.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương đùi
7.	Chẩn đoán và điều trị gãy hai xương cẳng chân
8.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp khuỷu
9.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp vai
10.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp háng
11.	Chẩn đoán và điều trị sỏi tiết niệu
12.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương ngực kín
13.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương sọ não

14.	Chẩn đoán và điều trị lồng ruột cấp ở trẻ nhỏ
15.	Chẩn đoán và điều trị Tắc ruột
16.	Chẩn đoán và điều trị viêm ruột thừa
17.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương bụng
18.	Chẩn đoán và điều trị viêm tụy cấp
19.	Chẩn đoán và điều trị thủng dạ dày
20.	Chẩn đoán và điều trị sỏi mật
21.	Chẩn đoán và điều trị Trĩ
22.	Chẩn đoán và điều trị rò hậu môn
23.	Chẩn đoán và điều trị thoát vị bẹn
24.	Chẩn đoán và điều trị viêm phúc mạc và các áp xe trong ổ bụng
25.	Chẩn đoán và điều trị sốc chấn thương
26.	Chẩn đoán và điều trị bong
27.	Chẩn đoán và điều trị vết thương phần mềm
28.	Chẩn đoán và điều trị vết thương sọ não
B	Dịch vụ kỹ thuật
1.	Khâu vết thương phần mềm
2.	Bóc u bã đậu
3.	Sơ cứu gãy xương kín
4.	Sơ cứu gãy xương hở
5.	Cầm máu (vết thương chảy máu)
6.	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
7.	Thay băng cắt lọc vết thương
8.	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
9.	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
10.	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
11.	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
12.	Kéo, nắn bó bột
13.	Chích rạch áp xe
14.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
15.	Nẹp bột các loại, không nắn
16.	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
17.	Cắt chỉ khâu da
18.	Thay băng bong
19.	Băng bó vết thương
20.	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
21.	Bóp bóng Ambu qua mặt na
22.	Dẫn lưu ổ bụng
23.	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
24.	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
25.	Sơ cứu bệnh nhân bỏng
26.	Thay băng, cắt chỉ
27.	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng
IV	Khoa Phụ sản
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1.	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng đầu thai kỳ

2.	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng giữa và cuối thai kỳ
3.	Theo dõi, đánh giá chuyển dạ đẻ thường
4.	Theo dõi, đánh giá chuyển dạ bệnh lý
5.	Khám, phát hiện những dấu hiệu bất thường trong 3 tháng đầu của thai
6.	Khám, sơ cứu chảy máu sản khoa trong 3 tháng đầu và 3 tháng cuối của
7.	Khám, theo dõi và chăm sóc bệnh nhân sau mổ sản khoa và phụ khoa
8.	Chửa ngoài tử cung
9.	U xơ tử cung
10.	Viêm nhiễm âm đạo
11.	Lạc nội mạc tử cung
12.	Rối loạn kinh nguyệt
13.	Mãn kinh, tiền mãn kinh
14.	Rối loạn nội tiết
15.	Sảy thai
16.	Thiếu máu thai kỳ
17.	Đa ối - thiếu ối
18.	Rau tiền đạo
19.	Áp xe vú
20.	Bong rau non
21.	Các tổn thương của vú
22.	Khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục
23.	Khám, tư vấn và kế hoạch hoá gia đình
B	Dịch vụ kỹ thuật
1.	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản
2.	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
3.	Trích áp xe vú
4.	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
5.	Khám phụ khoa
6.	Làm thuốc âm đạo
7.	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
8.	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
9.	Cắt và khâu tầng sinh môn
10.	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
11.	Kiểm soát tử cung
12.	Khám thai
13.	Khám sơ sinh
14.	Chăm sóc rốn sơ sinh
15.	Bóc rau nhân tạo
16.	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ
17.	Tư vấn các biện pháp tránh thai
18.	Tư vấn quản lý thai nghén
V	Chuyên khoa Mắt - Răng hàm mặt - Tai mũi họng
A	Chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường
1.	Viêm kết giác mạc
2.	Tắc tuyến lệ
3.	Viêm tai giữa cấp

4.	Viêm mũi họng
5.	Viêm thanh quản
6.	Viêm xoang
7.	Sâu răng sữa
8.	Viêm tuỷ răng
9.	Viêm tuyến nước bọt mang tai
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bơm rửa lệ đạo
2	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
3	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
4	Đo thị lực
5	Khám mắt
6	Khâu da mi đơn giản
7	Rạch áp xe mi
8	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
9	Rửa cùng đồ
10	Chích áp xe lợi
11	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
12	Điều trị viêm lợi do mọc răng
13	Điều trị viêm lợi trẻ em
14	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
15	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
16	Lấy dị vật tai
17	Làm thuốc tai
18	Khí dung mũi họng
19	Lấy dị vật họng miệng

3.3 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham còn gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

Văn bằng Y sĩ Y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng y sĩ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

- Người thực hành thực hành tập trung trong thời gian 09 tháng, trong đó:
- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
 - 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 2.
 - 01 tháng thực hành nội dung Dược cổ truyền.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành chuyên môn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
1.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
2.	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
3.	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
4.	Chẩn đoán và điều trị Shock phân vệ
5.	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
6.	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
7.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
8.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
9.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
10.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
11.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
12.	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật
1.	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2.	Vận hành máy Monitor
3.	Điện tim thường
4.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp

5.	Nghiệm pháp dây thắt
6.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7.	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8.	Cấp cứu cao huyết áp
9.	Cấp cứu ngừng tim
10.	Cấp cứu tụt huyết áp
11.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13.	Ép tim ngoài lồng ngực
14.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15.	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
16.	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
17.	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
18.	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
19.	Chăm sóc lỗ mở khí quản
20.	Chăm sóc ống nội khí quản
21.	Chọc tháo dịch màng phổi
22.	Chọc dịch ổ bụng
23.	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
24.	Đặt ống nội khí quản
25.	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
26.	Khí dung thuốc giãn phế quản
27.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
28.	Sơ cứu bong đường hô hấp
29.	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp
30.	Thay canuyn mở khí quản
31.	Cấp cứu ngừng thở
32.	Thở oxy qua gọng kính
33.	Thở oxy qua mặt nạ
34.	Thở oxy qua mặt nạ có túi
35.	Thổi ngạt
36.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
37.	Cho ăn qua ống thông dạ dày
38.	Đặt ống thông dạ dày
39.	Đặt ống thông hậu môn
40.	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
41.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
42.	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
43.	Cấp cứu cao huyết áp
44.	Cấp cứu ngừng tim
45.	Cấp cứu tụt huyết áp
46.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
47.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục

48.	Ép tim ngoài lồng ngực
49.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
50.	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
51.	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
52.	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
53.	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
54.	Chăm sóc lỗ mở khí quản
55.	Chăm sóc ống nội khí quản
56.	Chọc tháo dịch màng phổi
57.	Chọc dịch ổ bụng
58.	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
59.	Đặt ống nội khí quản
60.	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
61.	Khí dung thuốc giãn phế quản
62.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
63.	Sơ cứu bong đường hô hấp
64.	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp
65.	Thay canuyn mở khí quản
66.	Cấp cứu ngừng thở
67.	Thở oxy qua gọng kính
68.	Thở oxy qua mặt nạ
69.	Thở oxy qua mặt nạ có túi
70.	Thổi ngạt
71.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
72.	Cho ăn qua ống thông dạ dày
73.	Đặt ống thông dạ dày
74.	Đặt ống thông hậu môn
75.	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
76.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
77.	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	
A Dịch vụ kỹ thuật Y học cổ truyền	
1.	Mai hoa châm
2.	Hào châm
3.	Mãng châm
4.	Nhĩ châm
5.	Điện châm
6.	Thủy châm
7.	Cây chỉ
8.	Ôn châm
9.	Cứu
10.	Chích lễ
11.	Laser châm

12.	Kéo nắn cột sống thắt lưng
13.	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
14.	Ngâm thuốc YHCT toàn thân
15.	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
16.	Đặt thuốc YHCT
17.	Bỏ thuốc
18.	Chườm ngải
19.	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
20.	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược
21.	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em
22.	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
23.	Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
24.	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình
25.	Điện mãng châm điều trị hen phế quản
26.	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp
27.	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa
28.	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
29.	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V
30.	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
31.	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên
32.	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc
33.	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực
34.	Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài
35.	Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang
36.	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp
37.	Điện mãng châm điều trị đau lưng
38.	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện
39.	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng
40.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy
41.	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản
42.	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên
43.	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa
44.	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
45.	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ
46.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress
47.	Điện nhĩ châm điều trị nấc
48.	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
49.	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
50.	Điện nhĩ châm điều trị di tinh
51.	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng
52.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
53.	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn
54.	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V

55.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
56.	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng
57.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
58.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên
59.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới
60.	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh
61.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
62.	Điện nhĩ châm điều trị đau hồ mắt
63.	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc
64.	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
65.	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực
66.	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài
67.	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang
68.	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm
69.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa
70.	Điện nhĩ châm điều trị đau răng
71.	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp
72.	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai
73.	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp
74.	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng
75.	Điện nhĩ châm điều trị ù tai
76.	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác
77.	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh
78.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông
79.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
80.	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư
81.	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona
82.	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh
83.	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt
84.	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
85.	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược
86.	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng
87.	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng
88.	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông
89.	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu
90.	Cây chỉ điều trị mất ngủ
91.	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình
92.	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy
93.	Cây chỉ điều trị hen phế quản
94.	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp
95.	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
96.	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính

97.	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn
98.	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn
99.	Cây chỉ điều trị liệt chi trên
100.	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới
101.	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang
102.	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài
103.	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
104.	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai
105.	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp
106.	Cây chỉ điều trị đau lưng
107.	Cây chỉ điều trị đái dầm
108.	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ
109.	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
110.	Điện châm điều trị huyết áp thấp
111.	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
112.	Điện châm điều trị hội chứng stress
113.	Điện châm điều trị cảm mạo
114.	Điện châm điều trị viêm amidan
115.	Điện châm điều trị trĩ
116.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
117.	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em
118.	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
119.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
120.	Điện châm điều trị cơn đau quặn thân
121.	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện
122.	Điện châm điều trị bí đái cơ năng
123.	Điện châm điều trị sa tử cung
124.	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
125.	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
126.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
127.	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
128.	Điện châm điều trị khàn tiếng
129.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
130.	Điện châm điều trị liệt chi trên
131.	Điện châm điều trị chớp lẹo
132.	Điện châm điều trị đau hồ mắt
133.	Điện châm điều trị viêm kết mạc
134.	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
135.	Điện châm điều trị lác cơ năng
136.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông
137.	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
138.	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa
139.	Điện châm điều trị đau răng

140.	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
141.	Điện châm điều trị ù tai
142.	Điện châm điều trị giảm khứ giác
143.	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh
144.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
145.	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư
146.	Điện châm điều trị giảm đau do zona
147.	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh
148.	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông
149.	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
150.	Thủy châm điều trị mất ngủ
151.	Thủy châm điều trị hội chứng stress
152.	Thủy châm điều trị nấc
153.	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm
154.	Thủy châm điều trị viêm amydan
155.	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
156.	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng
157.	Thủy châm điều trị mày đay
158.	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng
159.	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược
160.	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em
161.	Thủy châm điều trị giảm thính lực
162.	Thủy châm điều trị liệt trẻ em
163.	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em
164.	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em
165.	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
166.	Thủy châm điều trị sa tử cung
167.	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
168.	Thủy châm điều trị đái dầm
169.	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
170.	Thủy châm điều trị đau vai gáy
171.	Thủy châm điều trị huyết áp thấp
172.	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
173.	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
174.	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
175.	Thủy châm điều trị thất vận ngôn
176.	Thủy châm điều trị đau dây V
177.	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống
178.	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não
179.	Thủy châm điều trị khàn tiếng
180.	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
181.	Thủy châm điều trị liệt chi trên
182.	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới

183.	Thủy châm điều trị sụp mí
184.	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang
185.	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa
186.	Thủy châm điều trị đau răng
187.	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài
188.	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
189.	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp
190.	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai
191.	Thủy châm điều trị đau lưng
192.	Thủy châm điều trị đau hố mắt
193.	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
194.	Thủy châm điều trị lác cơ năng
195.	Thủy châm điều trị giảm thị lực
196.	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện
197.	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng
198.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
199.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
200.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
201.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông
202.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não
203.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
204.	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
205.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên
206.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới
207.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất
208.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em
209.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chóng ù tai
210.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác
211.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ
212.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược
213.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp
214.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu
215.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ
216.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress
217.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
218.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
219.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
220.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
221.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí
222.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
223.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực
224.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
225.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực

226.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
227.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
228.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
229.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp
230.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
231.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng
232.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc
233.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
234.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp
235.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
236.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
237.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
238.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt
239.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
240.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa
241.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt
242.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh
243.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh
244.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
245.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa
246.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông
247.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng
248.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì
249.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
250.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
251.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
252.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư
253.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm
254.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly
255.	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn
256.	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
257.	Cứu điều trị nấc thể hàn
258.	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn
259.	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn
260.	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn
261.	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
262.	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn
263.	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
264.	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn
265.	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
266.	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn
267.	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn

268.	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
269.	Cứu điều trị di tinh thể hàn
270.	Cứu điều trị liệt dương thể hàn
271.	Cứu điều trị rối loạn tiêu tiện thể hàn
272.	Cứu điều trị bí đái thể hàn
273.	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn
274.	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn
275.	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn
276.	Cứu điều trị đái dâm thể hàn
277.	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
278.	Cứu điều trị giảm khứ giác thể hàn
279.	Cứu điều trị rối loạn thân kinh thực vật thể hàn
280.	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
281.	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
282.	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn
283.	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt
284.	Giác hơi điều trị các chứng đau
285.	Giác hơi điều trị cảm cúm
B	Dịch vụ kỹ thuật Phục hồi chức năng
1.	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
2.	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
3.	Điều trị bằng các dòng điện xung
4.	Điều trị bằng siêu âm
5.	Điều trị bằng sóng xung kích
6.	Điều trị bằng tia hồng ngoại
7.	Điều trị bằng Parafin
8.	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
9.	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
10.	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
11.	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
12.	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
13.	Tập đi với thanh song song
14.	Tập đi với khung tập đi
15.	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
16.	Tập đi với gậy
17.	Tập đi với bàn xương cá
18.	Tập lên, xuống cầu thang
19.	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gò ghề...)
20.	Tập đi với chân giả trên gối
21.	Tập đi với chân giả dưới gối
22.	Tập vận động thụ động
23.	Tập vận động có trợ giúp
24.	Tập vận động có kháng trở

25.	Tập vận động trên bóng
26.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng
27.	Tập với thang tường
28.	Tập với ròng rọc
29.	Tập với xe đạp tập
30.	Tập các kiểu thở
31.	Tập ho có trợ giúp
32.	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu
33.	Kỹ thuật xoa bóp vùng
34.	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân
35.	Tập điều hợp vận động
36.	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
37.	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
38.	Tập tri giác và nhận thức
39.	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu
40.	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu
41.	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)
42.	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng
43.	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối
44.	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối
45.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)
46.	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO
47.	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO
48.	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO
49.	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO
50.	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO

3.2 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG**

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 23 /BVT-CDT&HTQT ngày 04/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối tượng thực hành

Văn bằng bác sỹ y học dự phòng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ Bác sỹ y học dự phòng.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Người thực hành thực hành tập chung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cơ sở 2.

- 03 Tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại các khoa lâm sàng trong đó:

+ 03 tháng tại khoa Nội- Nhi - Truyền nhiễm.

+ 04 tháng tại khoa Ngoại - Sản - Liên chuyên khoa.

+ 02 tháng tại các chuyên khoa khác (chuyên khoa Răng Hàm Mặt - Mắt -

Tai Mũi Họng: 1.5 tháng; khoa YHCT- PHCN 2: 0.5 tháng)

3. Nội dung đào tạo, thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Đơn nguyên Hồi sức cấp cứu - Gây mê hồi tỉnh.
10.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
11.	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục < 8 giờ
12.	Làm test phục hồi máu mao mạch
13.	Dùng thuốc chống đông
14.	Thở oxy qua gọng kính (< 8 giờ)
15.	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (< 8 giờ)
16.	Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (< 8 giờ)
17.	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (< 8 giờ)

18.	Phụ giúp bác sỹ đặt ống Nội khí quản
19.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
20.	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
21.	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
22.	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
23.	Thông bàng quang
24.	Đặt ống thông dạ dày
25.	Rửa dạ dày cấp cứu
26.	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kin
27.	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá (dạ dày, tiêu tràng, đại tràng)
28.	Thụt tháo
29.	Thụt giữ
30.	Đặt ống thông hậu môn
31.	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
32.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
33.	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông
34.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên < 8 giờ
35.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên < 8 giờ
36.	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
37.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
38.	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
39.	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch < 8 giờ
40.	Lấy máu tĩnh mạch ben
41.	Truyền máu và các chế phẩm máu
42.	Xoa bóp phòng chống loét
43.	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
44.	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
45.	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
46.	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
47.	Băng bó vết thương
48.	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
49.	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
50.	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
51.	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
52.	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
53.	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
54.	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter
55.	Kỹ thuật ho có điều khiển
56.	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
57.	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
58.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
59.	Khí dung thuốc giãn phế quản
60.	Điện tim thường
61.	Hút đờm hầu họng

62.	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
63.	Rửa bàng quang
64.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
65.	Đặt ống thông dạ dày
66.	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
67.	Ép tim ngoài lồng ngực
68.	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
69.	Thăm dò chức năng hô hấp
70.	Vận động trị liệu hô hấp
71.	Làm ấm đường thở qua máy phun sương mù
72.	Thở ngạt
73.	Thở oxy qua mặt nạ có túi
74.	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
75.	Bài niệu cưỡng bức
76.	Thông tiểu
77.	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường
78.	Cho ăn qua ống thông dạ dày
79.	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín
80.	Đặt sonde hậu môn
81.	Nâng thân nhiệt chủ động
82.	Kiểm soát đau trong cấp cứu
83.	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
84.	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng
85.	Cầm máu (vết thương chảy máu)
86.	Vận chuyển người bệnh an toàn
87.	Tiêm truyền thuốc
88.	Làm test nhanh chẩn đoán ngộ độc cấp
89.	Cấp cứu người bệnh tự sát
90.	Truyền dịch thường quy
91.	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc
92.	Kỹ thuật truyền máu trong sốc
93.	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
94.	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
95.	Cấp cứu cao huyết áp
96.	Cấp cứu ngừng thở
97.	Cấp cứu ngừng tim
98.	Cấp cứu tụt huyết áp
99.	Chọc tĩnh mạch cánh ngoài
100.	Chọc tĩnh mạch đùi
101.	Xoay trở bệnh nhân thở máy
102.	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
103.	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc
104.	Thở oxy gọng kính
105.	Thở oxy qua mặt nạ
106.	Thở oxy qua mũi kín

107.	Thở oxy qua ống chữ T
II	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
46.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Tăng huyết áp
47.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy tim
48.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Rối loạn nhịp tim
49.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân rối loạn Lipit máu
50.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính
51.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân rối loạn điện giải
52.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hen phế quản
53.	Chẩn đoán và điều trị bệnh viêm phế quản cấp
54.	Chẩn đoán và điều trị bệnh Dạ dày - thực quản - tá tràng
55.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân xuất huyết tiêu hoá
56.	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân xơ gan
57.	Chẩn đoán và điều trị viêm tụy cấp
58.	Chẩn đoán và điều trị nhiễm trùng đường tiêu hoá
59.	Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu
60.	Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường
61.	Chẩn đoán và điều trị Basedow
62.	Chẩn đoán và điều trị viêm khớp dạng thấp
63.	Chẩn đoán và điều trị Gút
64.	Chẩn đoán điều trị bệnh nhân thiếu máu
65.	Chẩn đoán và điều trị viêm gan virus cấp
66.	Chẩn đoán và điều trị Cúm
67.	Chẩn đoán và điều trị sốt xuất huyết Dengue
68.	Suy dinh dưỡng ở trẻ em
69.	Phản vệ ở trẻ em
70.	Rối loạn điện giải
71.	Sốt cao co giật
72.	Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh
73.	Suy hô hấp ở trẻ sơ sinh
74.	Nhiễm trùng rốn sơ sinh
75.	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp ở trẻ em
76.	Viêm phế quản phổi
77.	Hen phế quản ở trẻ em
78.	Bệnh viêm tiểu phế quản ở trẻ em
79.	Viêm thanh khí phế quản cấp
80.	Viêm phế quản phổi do vi khuẩn
81.	Thiếu máu thiếu sắt
82.	Thiếu máu tan máu
83.	Hội chứng xuất huyết ở trẻ em
84.	Chỉ định truyền máu, các tai biến do truyền máu và xử trí
85.	Hội chứng thận hư
86.	Nhiễm trùng đường niệu
87.	Viêm cầu thận cấp
88.	Tiểu chảy cấp
89.	Táo bón

90.	Viêm loét dạ dày tá tràng
B	Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật
29.	Rửa dạ dày cấp cứu
30.	Thụt giữ
31.	Thụt thuốc qua đường hậu môn
32.	Đặt ống sonde dạ dày
33.	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
34.	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
35.	Rửa bàng quang
36.	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu
37.	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
38.	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
39.	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc
40.	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
41.	Tiêm bắp thịt
42.	Tiêm dưới da
43.	Tiêm trong da
44.	Tiêm truyền thuốc
45.	Truyền dịch thường quy
46.	Truyền máu và các chế phẩm máu
47.	Kỹ thuật đọc phim xquang thông thường
48.	Đọc kết quả điện tim
49.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
50.	Thở oxy qua mặt nạ
51.	Thở ngạt
52.	Thông tiểu trẻ em
53.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
54.	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu
55.	Khám sơ sinh
56.	Truyền máu và các chế phẩm máu
III	Khoa Ngoại tổng hợp
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp
29.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương cánh tay
30.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương cẳng tay
31.	Chẩn đoán và điều trị vết thương bàn tay
32.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương chậu
33.	Chẩn đoán và điều trị gãy cổ xương đùi
34.	Chẩn đoán và điều trị gãy xương đùi
35.	Chẩn đoán và điều trị gãy hai xương cẳng chân
36.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp khuỷu
37.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp vai
38.	Chẩn đoán và điều trị trật khớp háng
39.	Chẩn đoán và điều trị sỏi tiết niệu
40.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương ngực kín
41.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương sọ não

42.	Chẩn đoán và điều trị lồng ruột cấp ở trẻ nhỏ
43.	Chẩn đoán và điều trị Tắc ruột
44.	Chẩn đoán và điều trị viêm ruột thừa
45.	Chẩn đoán và điều trị chấn thương bụng
46.	Chẩn đoán và điều trị viêm tụy cấp
47.	Chẩn đoán và điều trị thủng dạ dày
48.	Chẩn đoán và điều trị sỏi mật
49.	Chẩn đoán và điều trị Trĩ
50.	Chẩn đoán và điều trị rò hậu môn
51.	Chẩn đoán và điều trị thoát vị bẹn
52.	Chẩn đoán và điều trị viêm phúc mạc và các áp xe trong ổ bụng
53.	Chẩn đoán và điều trị sốc chấn thương
54.	Chẩn đoán và điều trị bông
55.	Chẩn đoán và điều trị vết thương phần mềm
56.	Chẩn đoán và điều trị vết thương sọ não
B	Dịch vụ kỹ thuật
1.	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.
2.	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu
3.	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
4.	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu
5.	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu
6.	Cắt bỏ bao da quy đầu do dính hoặc dài
7.	Dẫn lưu áp xe bìu/tĩnh hoàn
8.	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống
9.	Chích áp xe phần mềm lớn
10.	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
11.	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích cơ thể
12.	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể
13.	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm
14.	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
15.	Nắn, bó bột gãy xương đòn
16.	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động
17.	Chích hạch viêm mù
18.	Thay băng, cắt chỉ
17	Cắt chỉ khâu da
18	Thay băng bông
19	Băng bó vết thương
20	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
21	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
22	Dẫn lưu ổ bụng
23	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
24	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
25	Sơ cứu bệnh nhân bỏng
26	Thay băng, cắt chỉ
27	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng
IV	Khoa Phụ sản

A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
24.	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng đầu thai kỳ
25.	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng giữa và cuối thai kỳ
26.	Theo dõi, đánh giá chuyển da đẻ thường
27.	Theo dõi, đánh giá chuyển da bệnh lý
28.	Khám, phát hiện những dấu hiệu bất thường trong 3 tháng đầu của thai
29.	Khám, sơ cứu chảy máu sản khoa trong 3 tháng đầu và 3 tháng cuối của
30.	Khám, theo dõi và chăm sóc bệnh nhân sau mổ sản khoa và phụ khoa
31.	Chửa ngoài tử cung
32.	U xơ tử cung
33.	Viêm nhiễm âm đạo
34.	Lạc nội mạc tử cung
35.	Rối loạn kinh nguyệt
36.	Mãn kinh, tiền mãn kinh
37.	Rối loạn nội tiết
38.	Sảy thai
39.	Thiếu máu thai kỳ
40.	Đa ối - thiếu ối
41.	Rau tiền đạo
42.	Áp xe vú
43.	Bong rau non
44.	Các tổn thương của vú
45.	Khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục
46.	Khám, tư vấn và kế hoạch hoá gia đình
B	Dịch vụ kỹ thuật
1.	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản
2.	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
3.	Trích áp xe vú
4.	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
5.	Khám phụ khoa
6.	Làm thuốc âm đạo
7.	Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa
8.	Đỡ đẻ thường ngồi chồm
9.	Cắt và khâu tầng sinh môn
10.	Nghiêm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
11.	Kiểm soát tử cung
12.	Khám thai
13.	Khám sơ sinh
14.	Chăm sóc rốn sơ sinh
15.	Bóc rau nhân tạo
16.	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ
17.	Tư vấn các biện pháp tránh thai
18.	Tư vấn quản lý thai nghén
V	Chuyên khoa Mắt - Răng hàm mặt - Tai mũi họng
A	Chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường
10.	Viêm kết giác mạc

11.	Tắc tuyến lệ
12.	Viêm tai giữa cấp
13.	Viêm mũi họng
14.	Viêm thanh quản
15.	Viêm xoang
16.	Sâu răng sữa
17.	Viêm tuỷ răng
18.	Viêm tuyến nước bọt mang tai
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bơm rửa lệ đạo
2	Cấp cứu bong mắt ban đầu
3	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
4	Đo thị lực
5	Khám mắt
6	Khâu da mi đơn giản
7	Rạch áp xe mi
8	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
9	Rửa cùng đồ
10	Chích áp xe lợi
11	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
12	Điều trị viêm lợi do mọc răng
13	Điều trị viêm lợi trẻ em
14	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
15	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
16	Lấy dị vật tai
17	Làm thuốc tai
18	Khí dung mũi họng
19	Lấy dị vật họng miệng

3.3 Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản;
- Sử dụng bệnh án điện tử và qui định về bảo mật thông tin;
- Các văn bản pháp luật khác.